

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA

ĐẠI DỊCH COVID-19

ĐẾN NÔNG DÂN SẢN XUẤT NHỎ
VÀ NGƯỜI DÂN NÔNG THÔN VIỆT NAM



Hà Nội, tháng 8 năm 2020



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA
ĐẠI DỊCH COVID-19
ĐẾN NÔNG DÂN SẢN XUẤT NHỎ
VÀ NGƯỜI DÂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Hà Nội, tháng 8 năm 2020

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	i
TÓM TẮT	ii
I. PHẦN MỞ ĐẦU	1
II. TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐẾN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	4
2.1. Tác động tới GDP nông nghiệp.....	5
2.2. Tác động tới thị trường nông sản.....	5
2.3 Tác động tới chuỗi cung ứng nông nghiệp.....	6
III. TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 TỚI HỘ GIA ĐÌNH NÔNG THÔN	9
3.1. Bối cảnh sinh kế của hộ gia đình nông thôn Việt Nam.....	9
3.2. Tác động của đại dịch Covid-19 đến việc làm nông thôn.....	10
3.3. Tác động tới thu nhập và chi tiêu của dân cư nông thôn.....	14
3.4. Tác động của đại dịch Covid-19 tới an sinh xã hội, tình trạng nghèo của hộ nông thôn.....	18
VI. ỨNG PHÓ CỦA HỘ NÔNG THÔN TRƯỚC TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 VÀ KHẢ NĂNG TIẾP CẬN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CỦA CHÍNH PHỦ	20
4.1. Ứng phó của hộ nông thôn trước tác động của đại dịch Covid-19.....	20
4.2. Khả năng tiếp cận của hộ nông thôn đối với chính sách hỗ trợ của Chính phủ.....	22
V. KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ	25
5.1. Hỗ trợ nông dân và người dân nông thôn, tránh không để ai bị bỏ lại phía sau.....	25
5.2. Thúc đẩy xuất khẩu, khơi thông thị trường, đặc biệt quan tâm phát triển thị trường nội địa.....	26
5.3. Hỗ trợ đầu tư vào dịch vụ logistics, thúc đẩy thương mại điện tử, sàn giao dịch.....	26
5.4. Cải thiện môi trường đầu tư chuẩn bị đón đầu tư mới khi có cơ hội.....	26
5.5. Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách.....	26
TÀI LIỆU THAM KHẢO	28

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Tổng sản phẩm trong nước 6 tháng đầu năm 2020.....	5
Bảng 2: Tỷ lệ hộ nông thôn chịu tác động của đại dịch Covid-19 phân theo loại việc làm và nhóm hộ (%).....	11
Bảng 3: Tỷ lệ hộ nông thôn tiếp cận được chính sách hỗ trợ ứng phó với đại dịch Covid-19 (%).....	22

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Bản đồ địa bàn khảo sát.....	3
Hình 2: Cơ cấu mẫu khảo sát theo nguồn thu nhập (%).....	3
Hình 3: Tác động của đại dịch Covid-19 đến nông nghiệp – nông thôn.....	4
Hình 4: Tác động của đại dịch Covid-19 đến việc tiêu thụ nông sản.....	7
Hình 5: Tác động của đại dịch Covid-19 đến mua bán sản phẩm đầu vào nông nghiệp.....	8
Hình 6: Tỷ lệ hộ nông thôn bị đại dịch Covid-19 tác động đến việc làm nông nghiệp (%).....	11
Hình 7: Tỷ lệ hộ nông thôn bị đại dịch Covid-19 tác động đến việc làm tại doanh nghiệp (%).....	12
Hình 8: Tỷ lệ hộ nông thôn bị đại dịch Covid-19 tác động đến việc làm tại doanh nghiệp phân theo tỉnh biên giới và các tỉnh khác (%).....	12
Hình 9: Tỷ lệ hộ nông thôn bị đại dịch Covid-19 tác động đến việc làm doanh nghiệp phân theo giới tính (%).....	13
Hình 10: Tỷ lệ hộ nông thôn bị đại dịch Covid-19 tác động đến việc làm tại các cơ sở sản xuất kinh doanh (%).....	13
Hình 11: Tỷ lệ hộ nông thôn có lao động đi làm xa bị tạm dừng/nghỉ việc do đại dịch Covid-19 (%).....	14
Hình 12: Tỷ lệ hộ nông thôn tăng, giảm hoặc giữ nguyên thu nhập so với trước dịch (%).....	15
Hình 13: Tác động của đại dịch Covid-19 đến thu nhập của hộ nông thôn.....	16
Hình 14: Tác động của đại dịch Covid-19 đến các nguồn thu nhập ở tỉnh biên giới và các tỉnh khác (%).....	16
Hình 15: Tác động của đại dịch Covid-19 đến các nguồn thu nhập phân theo nhóm dân tộc (%).....	17
Hình 16: Tác động của đại dịch Covid-19 đến các nguồn thu nhập phân theo giới tính của người trả lời (%).....	17
Hình 17: Tác động của đại dịch Covid-19 đến các nguồn thu nhập theo hộ nghèo và không nghèo (%).....	19
Hình 18: Tỷ lệ hộ nông thôn áp dụng biện pháp ứng phó trước ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 (%).....	20
Hình 19: Ứng phó của hộ nông thôn trước ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 phân theo sinh kế chính của hộ (%).....	21
Hình 20: Tỷ lệ hộ nông thôn phân theo dự định về sinh kế trong giai đoạn tiếp theo (%).....	21
Hình 21: Khó khăn của hộ nông thôn trong tiếp cận chính sách hỗ trợ của Nhà nước (%).....	23
Hình 22: Tỷ lệ hộ nông thôn phân theo đề xuất của hộ về hỗ trợ chính sách (%).....	23

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ cái viết tắt

Ý nghĩa chữ viết tắt

ACIAR	<i>Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Australia</i>
ADB	<i>Ngân hàng Phát triển Châu Á</i>
ASEAN	<i>Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á</i>
COVID-19	<i>Virus corona gây hội chứng hô hấp cấp tính</i>
DTTS	<i>Dân tộc thiểu số</i>
EU	<i>Liên minh Châu Âu</i>
EVFTA	<i>Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU</i>
FAO	<i>Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp</i>
GDP	<i>Tổng sản phẩm quốc nội</i>
GTGT	<i>Giá trị gia tăng</i>
IFAD	<i>Quỹ Quốc tế về Phát triển Nông nghiệp</i>
ILO	<i>Tổ chức Lao động Quốc tế</i>
IMF	<i>Quỹ Tiền tệ Quốc tế</i>
IPSARD	<i>Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn</i>
LĐTBXH	<i>Lao động Thương binh và Xã hội</i>
NARDT	<i>Mạng lưới Nghiên cứu và tư vấn chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn cho các quốc gia trong tiểu vùng sông Mê Công</i>
NH CSXH	<i>Ngân hàng Chính sách Xã hội</i>
NHTM	<i>Ngân hàng Thương mại</i>
PTNNNT	<i>Phát triển Nông nghiệp Nông thôn</i>
TNCN	<i>Thu nhập cá nhân</i>
TNDN	<i>Thu nhập doanh nghiệp</i>
VHLSS	<i>Khảo sát mức sống hộ gia đình</i>



LỜI GIỚI THIỆU

Từ đầu năm 2020 đến nay, thế giới đang phải đối mặt với đại dịch viêm phổi cấp do virus corona chủng mới gây ra (Covid-19) ở hầu hết các quốc gia, với số người mắc bệnh lên đến hơn 25 triệu người và vẫn tiếp tục tăng lên hàng ngày do chưa có vaccine phòng bệnh. Covid-19 đã lan đến Việt Nam từ khá sớm với ca bệnh đầu tiên được công bố vào ngày 23/01/2020. Tính đến nay, Việt Nam đã trải qua hai làn sóng lây nhiễm Covid-19. Làn sóng thứ nhất, Việt Nam chỉ có tổng số khoảng 330 người mắc sau 190 ngày bắt đầu có lây nhiễm. Làn sóng thứ hai được xác định xuất hiện từ ngày 22/7/2020 sau hơn 1 tháng không có ca nhiễm mới. Đến cuối tháng 8 năm 2020, tổng số ca nhiễm Covid-19 ở Việt Nam đã vượt ngưỡng 1.000 người, trong đó đa số là những ca nhập cảnh từ nước ngoài được phát hiện ngay khi nhập cảnh hoặc trong thời gian cách ly dịch tễ sau khi nhập cảnh. Các tỉnh bùng phát dịch đợt 2 đã kiểm soát được các ổ dịch và nới lỏng dần các biện pháp giãn cách xã hội.

Với nền kinh tế mở như của Việt Nam, về khía cạnh y tế và dịch tễ, đây là kết quả kiểm soát dịch tương đối khả quan so với bối cảnh chung trên toàn cầu và khu vực. Chính phủ và người dân Việt Nam luôn nỗ lực để duy trì mục tiêu kép: kiểm soát dịch bệnh và tăng trưởng kinh tế.

Tuy nhiên diễn biến dịch Covid-19 trên thế giới còn phức tạp, nguy cơ dịch có thể còn kéo dài và đã kéo theo những hệ lụy làm đình trệ hoạt động sản xuất, tiêu dùng toàn cầu. Ngay cả nếu chúng ta bảo vệ được thành quả kiểm soát dịch Covid-19 ở trong nước thì những tác động của đại dịch trên toàn cầu đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế xã hội Việt Nam, trong đó có nông nghiệp nông thôn, vẫn rất lớn và lâu dài.

Trong khuôn khổ Dự án “**Mạng lưới nghiên cứu và tư vấn chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn cho các quốc gia Tiểu vùng sông Mê Công**” (NARDT), Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn đã phối hợp với các chuyên gia nghiên cứu trong mạng lưới NARDT, các đối tác trong nước của Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) thực hiện Khảo sát nhanh “**Đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đến các hộ nông dân nhỏ và người dân nông thôn tại Việt Nam**”. Đây là một nỗ lực góp phần cung cấp thêm thông tin cho những quyết sách của Chính phủ Việt Nam để ứng phó với những hệ lụy từ đại dịch Covid-19.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Quỹ Phát triển nông nghiệp Quốc tế đã tài trợ cho nghiên cứu này, cảm ơn Ngân hàng Phát triển Châu Á đã tích cực tham gia, kết nối, hỗ trợ triển khai khảo sát tại một số địa phương. Đặc biệt, xin được cảm ơn sự hỗ trợ quý báu từ các Ban quản lý dự án của IFAD và ADB tại các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Bến Tre, Trà Vinh, Quảng Bình, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Đắk Nông trong quá trình thực hiện khảo sát.

TÓM TẮT

Khu vực nông nghiệp và nông thôn của Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Với thế mạnh nông nghiệp, Việt Nam có ưu thế đảm bảo an ninh lương thực hơn phần lớn các nước đang phát triển ở châu Á và có vai trò ngày càng tăng trong hỗ trợ an ninh lương thực cho các quốc gia khác. Bên cạnh đó, ngành nông nghiệp Việt Nam cũng đã tạo ra nhiều mặt hàng xuất khẩu cho giá trị cao. Với hơn hai phần ba dân số Việt Nam sinh sống tại khu vực nông thôn, nông thôn Việt Nam là nơi cung cấp nguồn nhân lực dồi dào và là thị trường rộng lớn cho sản phẩm của công nghiệp, đô thị.

Một nửa thành viên của hộ nông thôn có công việc chính là phi nông nghiệp, trong đó khoảng 35% số thành viên có công việc chính là làm công ăn lương và 15% thành viên tự kinh doanh. Bên cạnh các công việc chính, rất nhiều thành viên làm những việc phụ thêm khác để đảm bảo cuộc sống. Trong số thành viên có việc làm chính là nông nghiệp, có 45% làm thêm phi nông nghiệp.

Với những người đi làm thuê là chính thì đa phần công việc cũng rất bấp bênh. Hầu hết lao động nông thôn ra đô thị chỉ làm các công việc đơn giản như xây dựng, “xe ôm”, bốc vác, giúp việc... mà không có việc làm ổn định, không có hợp đồng lao động, bảo hiểm, chỗ ở... Chỉ có 19,5% số lao động nông thôn đi làm thuê là được làm việc ở khu vực chính thức. Một số lớn cư dân nông thôn di cư và làm việc ở thành phố mà không đăng ký cư trú. Nhiều khả năng họ không được hưởng các gói cứu trợ chính thức do không có trong thống kê dân số sở tại.

Khủng hoảng do đại dịch Covid-19 gây ra là sự kết hợp của khủng hoảng cả phía cung (hoặc chuỗi cung ứng) lẫn phía cầu. Các chuỗi cung ứng nội địa và quốc tế bị phá vỡ và các biện pháp nhằm giãn cách xã hội khiến cho sản xuất đình trệ. Đồng thời thị trường xuất khẩu gián đoạn, người tiêu dùng cũng cắt giảm chi tiêu do thu nhập bị ảnh hưởng và lo sợ trước một tương lai chưa chắc chắn. Trong bối cảnh đó, cư dân nông thôn và nông dân là những đối tượng dễ bị tổn thương trước tác động của đại dịch Covid-19 đến sinh kế, thu nhập và điều kiện phúc lợi của hộ gia đình.

Tác động của đại dịch Covid-19 tới ngành nông nghiệp và khu vực nông thôn Việt Nam

Tác động đến GDP nông nghiệp.

Cho đến thời điểm kết thúc nửa đầu năm 2020, mặc dù nền kinh tế chung chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch Covid-19 nhưng sản xuất nông nghiệp vẫn duy trì khá ổn định. Trong 6 tháng đầu năm 2020, toàn ngành tiếp tục đạt được những kết quả tích cực. Nông nghiệp duy trì tăng trưởng dương, đảm bảo nguồn cung lương thực thực phẩm ổn định, làm nền tảng cho ổn định chính trị - xã hội trong đại dịch Covid-19.

Tác động tới thị trường nông sản làm giảm xuất khẩu, tăng tiêu dùng nội địa.

Nhiều quốc gia đóng cửa biên giới, hạn chế nhập khẩu, khiến kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam giảm nhẹ. Tuy nhiên nông sản tiêu dùng nội địa tăng mạnh nhờ các biện pháp kết nối cung – cầu quyết liệt của Chính phủ và các địa phương.

Ảnh hưởng làm gián đoạn chuỗi cung ứng nông nghiệp.

Tác động rõ nhất của dịch Covid-19 đến nông nghiệp là làm đứt đoạn các chuỗi cung ứng nông nghiệp, đặc biệt những ngành phải nhập khẩu đầu vào nhiều như thủy sản, chăn nuôi. Doanh nghiệp nông nghiệp bị tác động của đại dịch, bao gồm giảm thị trường tiêu thụ, hàng sản xuất ra không xuất khẩu được, thiếu hụt nguyên liệu đầu vào, thiếu vốn lưu động để trả lương, lãi vay, thuê mặt bằng,... Việc giãn cách xã hội ảnh hưởng nhiều tới phương thức thương mại truyền thống, vì thế mà các hình thức mua bán hiện đại, thương mại điện tử, sàn giao dịch đổi mới ngày càng phát triển.

Ảnh hưởng tới việc làm của người dân nông thôn, nhất là việc làm phi nông nghiệp.

Đại dịch Covid-19 làm thị trường nông sản đình trệ, ảnh hưởng nhiều tới các hộ nông nghiệp, nhất là các hộ sản xuất hàng ít thiết yếu như hoa, quả, hải sản. Tuy nhiên, giãn cách xã hội do đại dịch cũng ảnh hưởng tới các hộ có tham gia các hoạt động phi nông nghiệp bao gồm các hoạt động kinh doanh tại địa phương, người lao động đi làm tại các thành phố, làm công ăn lương tại các doanh nghiệp. Khủng hoảng kinh tế có thể khiến tình trạng thất nghiệp tăng lên và điều kiện làm việc trở nên khó khăn hơn, dẫn đến dòng di cư “ngược trở lại nông thôn”, làm trầm trọng thêm tình hình thiếu việc làm ở khu vực nông thôn.

Theo kết quả khảo sát của Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT với 1300 hộ gia đình nông thôn¹, 75% số hộ nông thôn có thành viên đi làm tại doanh nghiệp cho biết việc làm của thành viên hộ gia đình bị ảnh hưởng do bị tạm ngưng hoặc mất việc, bị giảm thu nhập. Với các hộ nông thôn có thành viên làm trong khu vực phi chính thức, khoảng 83% cho biết việc làm của họ bị ảnh hưởng nặng do đại dịch Covid-19, trong giai đoạn thực hiện giãn cách xã hội thì thu nhập có khi bằng không.

Khoảng 35% số hộ làm nông nghiệp được khảo sát cho biết hoạt động sản xuất nông nghiệp của họ bị ảnh hưởng bởi đại dịch. Giá đầu vào cho sản xuất nông nghiệp bị đẩy tăng. 60% số người được hỏi cho biết giá bán nông sản giảm trong 6 tháng đầu năm 2020. Đặc biệt, có 8% số hộ nông nghiệp được khảo sát chuyển hình thức tiêu thụ nông sản, một số chuyển qua hình thức bán hàng trực tuyến.

Tỷ lệ hộ nông thôn có thành viên làm việc tại doanh nghiệp bị ảnh hưởng tiêu cực rất lớn, lên tới 74,5%. Với những hộ có cơ sở sản xuất kinh doanh, vấn đề lớn nhất là bị tạm dừng hoạt động hoặc đóng cửa (60,1%). Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh có thuê lao động, do ảnh hưởng của việc giãn cách xã hội, 13,5% số hộ trong nhóm này có lao động tự nghỉ việc, 51,7% phải cho lao động nghỉ việc, 21,4% bị thiếu lao động, 24,7% đã phải giảm lương lao động và một số phải cho lao động chuyển sang làm việc khác.

Ảnh hưởng tới thu nhập và chi tiêu, an sinh xã hội, đói nghèo ở nông thôn

Việc làm công ăn lương bị tác động rất mạnh do một số dịch vụ kinh doanh bị dừng lại trong thời gian dịch bệnh hoặc phải đóng cửa. Do nhu cầu thị trường đi xuống nên giá các mặt hàng nông sản không thiết yếu cũng bị giảm trung bình 10-15%. Ước tính trung bình đại dịch Covid-19 có thể làm giảm 35-40% thu nhập của hộ nông thôn.

Khảo sát của Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT cho thấy, khoảng 56% hộ nông thôn bị giảm thu nhập trong thời gian đại dịch Covid-19 bùng phát từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2020 và trong giai

¹ Cuộc khảo sát được thực hiện vào thời điểm tháng 5 – tháng 6/2020 ở 12 tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Bến Tre, Trà Vinh, Quảng Bình, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Đắk Nông

đoạn sau đó do ảnh hưởng của các biện pháp nhằm kiểm soát dịch bệnh. Những hộ có nguồn thu nhập chủ yếu từ hoạt động phi nông nghiệp bị tác động tiêu cực nhất: 73% bị giảm thu nhập với mức giảm trung bình 46,8%. Trong những hộ có sinh kế chính từ sản xuất nông nghiệp, 52% số hộ bị giảm thu nhập với mức giảm trung bình là 29,4%. Trong số các hộ có thu nhập chính từ đi làm công ăn lương, 59% cho biết bị giảm thu nhập với mức giảm bình quân là 38,3%. Các tỉnh có biên giới chịu ảnh hưởng nặng hơn: trung bình thu nhập của hộ ở các tỉnh biên giới giảm 41,4%, các tỉnh khác giảm 33,4%.

Thu nhập giảm ảnh hưởng lớn đến chi tiêu của hộ, đặc biệt trong bối cảnh đa số hộ gia đình nông dân, nông thôn có tích lũy rất ít hoặc không có tích lũy và hầu hết thu nhập từ trước khi có dịch Covid-19 của người dân được chi cho những nhu cầu cơ bản.

Tác động của đại dịch Covid-19 đến lao động di cư từ nông thôn

Theo khảo sát của Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT, 66,3% số hộ có lao động đi làm xa bị tạm dừng hoặc nghỉ việc do đại dịch Covid-19. Khi bị mất việc, họ buộc phải trở về quê, điều này sẽ tạo áp lực đối với việc làm nông thôn để thẩm thấu lực lượng lao động hồi hương. Đồng thời, khi việc làm của lao động di cư bị giảm sút, tiền gửi của họ về gia đình, là thu nhập chính của nhiều hộ nông thôn, cũng bị giảm. Điều này tác động đáng kể đến các vấn đề ở nông thôn như sinh kế, an ninh lương thực và dinh dưỡng của những người phụ thuộc ở nông thôn.

Ứng phó của hộ nông thôn trước tác động của đại dịch Covid-19 và khả năng tiếp cận của hộ nông thôn đối với các chính sách hỗ trợ của Chính phủ

Khảo sát của Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT cho thấy phần lớn phương pháp ứng phó của các hộ đều là phương pháp tự thân trước một đợt khủng hoảng rất bất ngờ và trầm trọng này: cắt giảm chi tiêu (95%), sử dụng tiền tiết kiệm, nhờ họ hàng, bạn bè giúp đỡ. Hộ thuần nông, hầu hết là các hộ nghèo hoặc cận nghèo, là nhóm dễ bị tổn thương nhất do khả năng ứng phó tự thân rất hạn chế.

Tại thời điểm điều tra tháng 6/2020, khảo sát cho thấy khả năng tiếp cận của hộ nông thôn với các hình thức hỗ trợ khác còn rất hạn chế. Hỗ trợ do bị mất thu nhập đối với các hộ nông thôn là rất cần thiết nhưng chỉ có trung bình 12,8% số hộ được khảo sát cho biết họ đã hoặc đang tiếp cận hình thức hỗ trợ này. Trong khi đó, tỷ lệ tiếp cận với các hình thức hỗ trợ khác rất thấp, dưới 5% được cung cấp nhu yếu phẩm miễn phí, khoảng 1% nhận được hỗ trợ hộ kinh doanh, hỗ trợ tín dụng, gia hạn trả nợ, bảo hiểm, gia hạn thuế. Tuy nhiên, bảo hiểm nông sản gần như không có.

Những khó khăn chính trong việc tiếp cận hỗ trợ chính sách là thời gian nhận hỗ trợ còn khá lâu, thủ tục để được hưởng các chính sách này phức tạp và khó thỏa mãn các điều kiện để được hưởng lợi, hàm ý việc cần rà soát và thiết kế lại gói chính sách bảo trợ để không bị "lọt" đối tượng cần thụ hưởng.

Các hộ khảo sát đã đề xuất những chính sách hỗ trợ mà họ mong muốn được nhận, gồm: hỗ trợ vốn và các chính sách tín dụng, chính sách đào tạo nghề và hỗ trợ việc làm, hỗ trợ vật tư sản xuất nông nghiệp, trợ cấp an sinh xã hội, hỗ trợ tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm và tạo điều kiện mở cửa cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Một số khuyến nghị

Để đưa ra những chính sách hỗ trợ thiết thực và hiệu quả, giúp nông dân và cư dân nông thôn vượt

qua được những tác động tiêu cực và tận dụng những cơ hội kinh tế sau đại dịch Covid-19, cần tập trung vào một số biện pháp sau:

Hỗ trợ nông dân và người dân nông thôn tránh không để ai bị bỏ lại phía sau:

Dẫn nợ, giảm lãi suất, tạo điều kiện cho các khoản vay mới của hộ nông dân. Nhanh chóng rà soát, bổ sung một số đối tượng dân cư nông thôn để đưa vào nhóm được hỗ trợ. Rà soát, thiết kế căn cơ đối với gói kích cầu toàn bộ nền kinh tế, kích cầu qua đầu tư công để người dân có việc làm, tạo thu nhập.

Thúc đẩy xuất khẩu, khơi thông thị trường đặc biệt quan tâm phát triển thị trường nội địa.

Tiếp tục thúc đẩy xuất khẩu, khơi thông thương mại biên mậu, hướng dẫn các doanh nghiệp trong nước đáp ứng yêu cầu về kiểm dịch và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Định hướng chuyển đổi nhiều hơn xuất khẩu chính ngạch qua đường biển, đường hàng không để giảm rủi ro khi tập trung nhiều qua cửa khẩu biên giới. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng các kênh kết nối với các nhà bán lẻ ở thị trường nội địa. Gắn kết vùng sản xuất với hệ thống bán lẻ và người tiêu dùng thông qua các kênh phân phối khác nhau.

Hỗ trợ đầu tư vào dịch vụ logistics, thúc đẩy thương mại điện tử, sàn giao dịch.

Cần nghiên cứu đánh giá, xây dựng chiến lược bài bản về dịch vụ logistics phục vụ cho thương mại nông sản. Xây dựng hệ thống các cụm ngành (bảo quản, chế biến, kho lạnh, vận chuyển hàng hóa), kết nối vùng sản xuất đến các thị trường chính trong nước. Thúc đẩy các hình thức thương mại hiện đại như thương mại điện tử.

Cải thiện môi trường đầu tư chuẩn bị đón đầu tư mới khi có cơ hội.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện các luật chính sách, cải thiện môi trường đầu tư, chuẩn bị cơ sở hạ tầng, đào tạo kỹ năng cho lao động, nhất là lao động trẻ ở nông thôn để đón làn sóng các doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam sau dịch Covid-19.

Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách.

Xây dựng Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn trong giai đoạn 2021-2030 nhằm định hướng phát triển cho ngành nông nghiệp và nông thôn trong bối cảnh mới, đặc biệt là với những bài học từ cuộc khủng hoảng toàn cầu do đại dịch Covid-19 gây ra cùng với những xu hướng toàn cầu mới. Nghiên cứu đề xuất gói hỗ trợ cho nông nghiệp, phục hồi và phát triển ngành công nghiệp chế biến và dịch vụ logistics phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát, báo cáo cảnh báo thường xuyên về an ninh lương thực quốc gia.

I. PHẦN MỞ ĐẦU

Khu vực nông nghiệp và nông thôn của Việt Nam đã và đang tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Bên cạnh việc đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và cung cấp nguyên liệu cho phát triển kinh tế, nông thôn cũng là nơi cung cấp nguồn nhân lực dồi dào. Vùng nông thôn cũng là thị trường rộng lớn để tiêu thụ những sản phẩm của công nghiệp và dịch vụ. Số lượng dân cư khu vực nông thôn tuy có xu hướng giảm nhưng vẫn chiếm tỷ trọng lớn so với khu vực thành phố. Theo kết quả tổng điều tra dân số, năm 2019, 65,6% dân số Việt Nam sinh sống tại khu vực nông thôn. Lao động nông thôn chiếm 67,4% tổng số lao động, trong đó 35,3% là lao động nông nghiệp. Nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong sinh kế hộ gia đình, nhất là các hộ nghèo.

Đại dịch Covid-19 xảy ra từ cuối tháng 12/2019, bắt đầu từ thành phố Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc, nay đã lan ra hầu hết các nước và vùng lãnh thổ. Dịch đã lan đến Việt Nam từ khá sớm với ca bệnh đầu tiên được công bố vào ngày 23/1/2020, Chính phủ Việt Nam đã sớm đặt mục tiêu ưu tiên kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe và tính mạng của người dân, và cơ bản đã thực hiện tốt mục tiêu này so với tình hình chung của thế giới và các nước trong khu vực. Tuy nhiên diễn biến dịch Covid-19 trên thế giới còn phức tạp, số ca mắc và tử vong liên tục tăng. Nguy cơ dịch có thể còn kéo dài, có thể tái bùng phát ở Việt Nam. Ngay cả nếu chúng ta bảo vệ được thành quả kiểm soát dịch Covid-19 thì những tác động của đại dịch đối với kinh tế xã hội Việt Nam, trong đó có nông nghiệp nông thôn, vẫn rất lớn và lâu dài.

Khủng hoảng do virus Covid-19 gây ra là sự kết hợp của khủng hoảng cả phía cung (hoặc chuỗi cung ứng) lẫn phía cầu. Các chuỗi cung ứng nội địa và quốc tế bị phá vỡ và các biện pháp nhằm giãn cách xã hội khiến cho sản xuất đình trệ. Đồng thời thị trường xuất khẩu gián đoạn, người tiêu dùng cũng cắt giảm chi tiêu do thu nhập bị ảnh hưởng và lo sợ trước một tương lai chưa chắc chắn.

Báo cáo “Đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đến các hộ nông dân nhỏ và người dân nông thôn tại Việt Nam” nhằm cung cấp thêm thông tin chứng thực về tác động của đại dịch Covid-19 đối với nông nghiệp và phát triển nông thôn ở Việt Nam, tập trung vào các hộ nông dân sản xuất nhỏ và người dân nông thôn dễ bị tổn thương. Đây là một nỗ lực của IFAD và IPSARD, với sự hỗ trợ từ ADB, góp phần xây dựng những giải pháp ứng phó phù hợp để giảm thiểu tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 đối với phát triển nông nghiệp và nông thôn ở Việt Nam, dựa trên phân tích bối cảnh, tổng quan tài liệu và khảo sát nhanh tại 12 tỉnh dự án của IFAD và ADB.

Báo cáo nghiên cứu sẽ trình bày bức tranh toàn cảnh về tác động của đại dịch Covid-19 đối với nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, phân tích tác động của đại dịch đối với sinh kế của người dân nông thôn, bao gồm: hoạt động sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp; từ đó, xác định các lĩnh vực ưu tiên can thiệp chính sách của chính phủ nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của đại dịch.

Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu đã nêu, nghiên cứu áp dụng cách tiếp cận phân tích thực chứng để trả lời các câu hỏi nghiên cứu.

Trước hết, nhóm nghiên cứu rà soát tài liệu, sử dụng thông tin thứ cấp từ các cuộc điều tra của Tổng cục Thống kê, trong đó có Điều tra Mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS), dữ liệu đã công bố của các

cơ quan, tổ chức khác về tác động của đại dịch Covid-19 đến doanh nghiệp, người lao động, tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam... để trả lời câu hỏi:

- Đại dịch Covid-19 tác động đến nông nghiệp và phát triển nông thôn tại Việt Nam qua các kênh nào?

Song song với đó, nghiên cứu kết hợp thông tin thứ cấp thu thập được và thông tin sơ cấp từ cuộc khảo sát nhanh “Đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đến các hộ nông dân nhỏ và người dân nông thôn tại Việt Nam”, do nhóm nghiên cứu của Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển nông nghiệp nông thôn thực hiện với hơn 1300 hộ gia đình tại vùng nông thôn ở 12 tỉnh trong giai đoạn tháng 5 – tháng 6 năm 2020, để trả lời cho các câu hỏi:

- Việc làm và thu nhập của nông dân và hộ phi nông nghiệp nông thôn trong quý I năm 2020 có thay đổi so với quý I năm 2019 không?
- Đại dịch Covid-19 đã có ảnh hưởng như thế nào với những thay đổi đó?
- Nông dân sản xuất nhỏ và những người dễ bị tổn thương ở nông thôn có bị thiệt hại nặng hơn không?
- Biện pháp ứng phó của họ trước những tác động đó là gì?

Từ kết quả phân tích ban đầu, nghiên cứu áp dụng phương pháp thảo luận chuyên gia để thu thập ý kiến chuyên gia và nhà hoạch định chính sách về những vấn đề:

- Làm thế nào để nông dân và các hộ gia đình phi nông nghiệp ở nông thôn ứng phó hiệu quả trước tác động của dịch bệnh và tăng khả năng tiếp cận hỗ trợ của chính phủ?
- Những khuyến nghị chính sách nào để giảm thiểu tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 đối với nông dân và các hộ phi nông nghiệp nông thôn ở Việt Nam?

Quy mô khảo sát nhanh “Đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đến các hộ nông dân nhỏ và người dân nông thôn tại Việt Nam”:

Khảo sát nhanh “Đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đến các hộ nông dân nhỏ và người dân nông thôn tại Việt Nam” được Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT chủ trì thực hiện với 1300 hộ nông thôn có hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp tại 12 tỉnh dự án của IFAD và ADB. Khảo sát nhằm thu thập thông tin sâu hơn về giá tác động của đại dịch Covid-19 đến việc làm và thu nhập của các hộ nông dân nhỏ và người dân nông thôn dễ bị tổn thương tại Việt Nam.

Khảo sát được thực hiện từ tháng 5 đến giữa tháng 6 năm 2020 để thu thập thông tin định tính và định lượng về tác động của đại dịch Covid-19 trong đợt bùng phát đầu tiên và giai đoạn đầu phục hồi vào tháng 5 và nửa đầu tháng 6 năm 2020.

Mẫu khảo sát được chọn theo tiêu chí có đủ đại diện của các hình thức sinh kế phổ biến tại vùng nông thôn Việt Nam, gồm: 17,2% số hộ được khảo sát là hộ thuần nông (tự cung tự cấp và sản xuất nông sản hàng hóa); 50,9% là hộ nông nghiệp có thêm các nguồn thu nhập khác như: làm thuê nông nghiệp và phi nông nghiệp, kinh doanh, sản xuất nhỏ,...; 4,8% là những hộ có nguồn thu chính từ hoạt động tự sản xuất – kinh doanh; 12,6% là hộ có nguồn sinh kế dựa vào làm công ăn lương; 14,5% là những hộ được phân loại theo “các nhóm sinh kế khác”, chủ yếu là những hộ neo đơn hoặc có hoàn cảnh đặc biệt sống dựa vào trợ cấp xã hội, tiền gửi về hoặc cho – biếu – tặng từ người thân.

Mẫu khảo sát cũng được lựa chọn để đáp ứng có đủ đại diện của 3 miền Bắc, Trung, Nam. Trong đó, miền Bắc chiếm 33%, miền Trung và Tây Nguyên chiếm 52% và miền Nam chiếm 15%.

Hình 1: Bản đồ địa bàn khảo sát

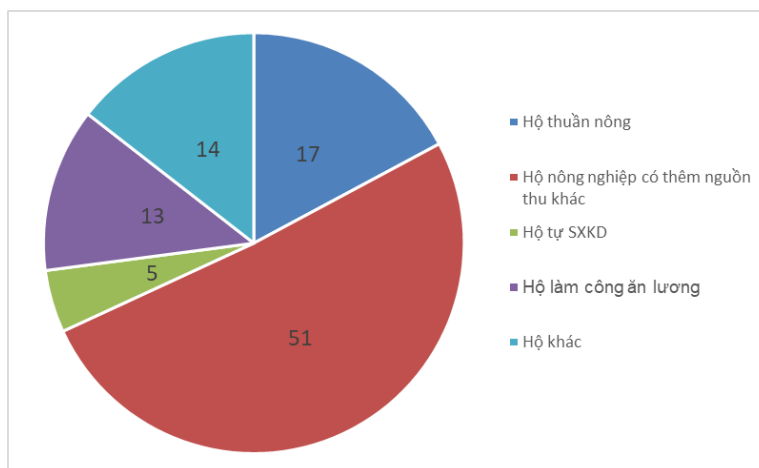
Các tỉnh được khảo sát gồm:
Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang,
Hà Tĩnh, Quảng Trị, Bến Tre,
Trà Vinh, Quảng Bình, Ninh
Thuận, Khánh Hòa, Đắk Lắk,
Đắk Nông.



Mẫu khảo sát gồm 30% hộ nghèo, 21% hộ cận nghèo và 48% hộ khác. 49,5% đại diện hộ trả lời khảo sát là nữ. 48,6% đại diện hộ trả lời khảo sát là người dân tộc thiểu số.

Thông tin khảo sát được thu thập qua bảng hỏi trực tuyến với sự hỗ trợ của các cán bộ văn phòng dự án IFAD và ADB ở địa phương. Các cán bộ địa phương được hướng dẫn, phổ biến về cấu trúc bảng hỏi và tiêu chí chọn mẫu, sau đó, cán bộ tại địa phương tiến hành phỏng vấn hộ và nhập thông tin khảo sát vào các phiếu hỏi trực tuyến. Dữ liệu khảo sát cho thấy thông tin khách quan để đánh giá nhanh về tác động của đại dịch Covid-19 trong giai đoạn mới bùng phát đến sinh kế của người dân nông thôn, khả năng và cách ứng phó của hộ gia đình, cũng như phản hồi của hộ gia đình đối với những chính sách hỗ trợ của Chính phủ.

Hình 2: Cơ cấu mẫu khảo sát theo nguồn thu nhập (%)



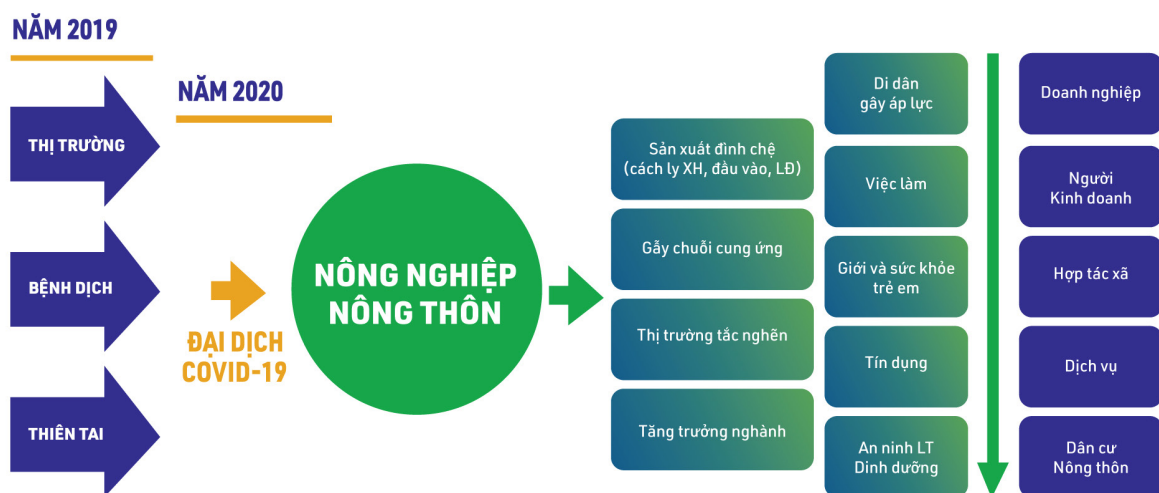
Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

II. TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐẾN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Nông nghiệp Việt Nam trong những năm qua đã có nhiều thành tựu đáng kể, nhất là về thương mại. Thị trường không ngừng mở rộng, kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng đều gặp không ít khó khăn thách thức. Năm 2019, kim ngạch xuất khẩu toàn ngành nông nghiệp đạt kỷ lục là 41 tỷ đô la Mỹ. Tuy nhiên từ đầu năm 2020, ngành nông nghiệp đã được dự báo là sẽ gặp rất nhiều khó khăn do biến đổi khí hậu, hiện tượng thời tiết cực đoan, thị trường nông sản tiếp tục giảm – thị trường sản phẩm cây công nghiệp chưa phục hồi, thủy sản bị “thẻ Vàng”, chăn nuôi bị ảnh hưởng bởi dịch tả lợn châu Phi, bệnh lở mồm long móng, cúm... Trong bối cảnh đó, dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên toàn cầu đã có ảnh hưởng mạnh tới xuất khẩu của Việt Nam nói chung, trong đó có xuất khẩu nông sản, ngay từ những ngày đầu xuất hiện tại Trung Quốc, thị trường quan trọng của các sản phẩm nông sản của Việt Nam.

Trong điều kiện chưa có khủng hoảng kinh tế do đại dịch Covid-19 gây nên, người dân nông thôn là đối tượng chịu nhiều rủi ro, nhất là người có sinh kế phụ thuộc chủ yếu vào nông nghiệp. Theo kết quả phân tích số liệu điều tra mức sống hộ gia đình của Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT (2016), rủi ro do về bệnh dịch nông nghiệp xảy ra với tần suất cao nhất, tiếp đến là các rủi ro về lũ lụt và bão. Các rủi ro liên quan đến hạn hán và hỏa hoạn xảy ra với tần suất ít hơn, các rủi ro liên quan đến bệnh dịch trên người thì hiếm gặp. Trung bình, hơn một nửa số hộ gia đình gặp rủi ro trong cuộc điều tra do bị ảnh hưởng bởi bệnh dịch trong sản xuất nông nghiệp và gần một nửa số hộ có bị ảnh hưởng bởi thiên tai. Các hộ dựa chủ yếu vào thu nhập từ nông nghiệp cũng gặp phải các cú sốc nhiều nhất (khoảng 33%), so với các hộ có thu nhập chính từ lương/tiền công (khoảng 28%) và các hộ có thu nhập chính không từ nông nghiệp hay tiền công (khoảng 25%).

Hình 3: Tác động của đại dịch Covid-19 đến nông nghiệp – nông thôn



Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

2.1. Tác động tới GDP nông nghiệp

Nhìn tổng thể, trong thời gian dịch bệnh Covid-19, nhiều quốc gia bị khủng hoảng, thiếu lương thực. Nhưng nhờ có sự phát triển tốt của ngành nông nghiệp, là trụ đỡ vững chắc của nền kinh tế mỗi khi có khủng hoảng, nên Việt Nam đã đảm bảo được an ninh lương thực cho người dân trong nước, chưa nói đến giúp đỡ các nước khác. Đây là yếu tố quan trọng tạo sự ổn định để giúp Việt Nam có thể ngăn chặn được tác động tiêu cực do đại dịch Covid-19 đã xảy ra ở nhiều nước như Hoa Kỳ, Brazil, v.v.

Trong hoàn cảnh một loạt thách thức do thiên tai, dịch bệnh, thu hẹp thị trường, thêm tác động của đại dịch Covid-19 đè nặng thì sản xuất nông nghiệp vẫn tương đối ổn định, người dân không ai bị thiếu lương thực. Trong điều kiện giãn cách xã hội, nguồn cung lương thực thực phẩm trong nước vẫn dồi dào, không dễ xảy ra tình trạng tranh mua hay thiếu đói. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng nông nghiệp quý I chỉ đạt 0,08%. Tuy nhiên sang quý II - là quý chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 khi Chính phủ chỉ đạo thực hiện mạnh mẽ các giải pháp nhằm giãn cách xã hội, thì tăng trưởng nông nghiệp đã hồi phục nhẹ ở mức 1,72%, giúp tăng trưởng ngành 6 tháng đầu năm đạt 1,19%.

Bảng 1: Tổng sản phẩm trong nước 6 tháng đầu năm 2020

	Theo giá hiện hành		Theo giá so sánh 2010	
	Tổng số (Tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Tổng số (Tỷ đồng)	Tốc độ phát triển so với 6 tháng đầu năm 2019 (%)
TỔNG SỐ	2.576.480	100,00	1.594.140	1,81
<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	364.732	14,16	230.920	1,19
<i>Nông nghiệp</i>	269.167	10,45	175.363	0,83
<i>Lâm nghiệp</i>	17.682	0,69	9.607	2,15
<i>Thủy sản</i>	77.883	3,02	45.950	2,37

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2020

Có thể nói cho đến thời điểm kết thúc nửa đầu năm 2020, sản xuất nông nghiệp hầu như chưa chịu ảnh hưởng trực tiếp đáng kể của đại dịch Covid-19 mà chủ yếu là tác động gián tiếp do thị trường xuất khẩu sụt giảm, cộng với tác động của thiên tai và dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi, nhất là hạn mặn và dịch tả lợn châu Phi. Tuy vậy, nhờ vào sự chủ động ứng phó của toàn ngành cũng như kinh nghiệm chống hạn mặn từ năm 2016, sản lượng lúa thu hoạch vẫn tăng, chăn nuôi bước đầu phục hồi, thủy sản và gỗ tăng khá, giúp cho tăng trưởng ngành phục hồi ngay trong đại dịch.

2.2. Tác động tới thị trường nông sản

Đại dịch Covid-19 và những biện pháp nhằm kiểm soát dịch của Việt Nam và các nước trên thế giới đã và đang tác động đến thị trường đặc biệt là thị trường xuất khẩu. Trong nông nghiệp, từng mặt hàng có sự ảnh hưởng khác nhau. Trong 7 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản ước đạt 22,3 tỷ đô la Mỹ, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, nhóm nông sản chính ước đạt 10,4 tỷ đô la Mỹ, giảm 4,0%; chăn nuôi ước đạt 213 triệu đô la Mỹ, giảm 24,9%; thủy sản ước đạt 4,4 tỷ đô la Mỹ, giảm 6,4%; lâm sản chính đạt 6,5 tỷ đô la Mỹ, tăng 6,7%. Nhìn chung, dù còn nhiều các mặt hàng xuất khẩu giảm nhưng gạo, rau, sắn, tôm, gỗ và sản phẩm gỗ, quế, mây tre đều có giá trị xuất khẩu tăng so với cùng kỳ. Hiện đã có 6 nhóm, mặt hàng xuất khẩu trên 1 tỷ đô la Mỹ, đứng đầu là sản phẩm gỗ với trên 4,5 tỷ đô la

Mỹ. Những mặt hàng giảm nhiều, như: Cao su (giảm 19,5%), chè (giảm 7,7%), hồ tiêu (giảm 22,5%), quả (giảm 20,2%), cá tra (giảm 26,9%).

Về thị trường xuất khẩu: Trong 7 tháng đầu năm 2020, Trung Quốc vẫn là thị trường chiếm thị phần lớn nhất với kim ngạch xuất khẩu đạt gần 5,4 tỷ đô la Mỹ, giảm 11,1% so với cùng kỳ và chiếm 24,1% thị phần; tiếp đến là Hoa Kỳ ước đạt 5,2 tỷ đô la Mỹ, tăng 9,5% so với cùng kỳ và chiếm 23,1% thị phần; xuất khẩu sang các nước ASEAN đạt gần 2,3 tỷ đô la Mỹ, tăng 6,2% và chiếm 10,27% thị phần; thị trường EU ước đạt 2,2 tỷ đô la Mỹ, giảm 2,7% và chiếm 9,9% thị phần; xuất khẩu sang Nhật Bản đạt gần 1,9 tỷ đô la Mỹ, giảm 0,1%, chiếm gần 8,6% thị phần.

Tuy nhiên có thể nói Việt Nam vẫn là điểm sáng khi các nước khác phải chứng kiến những tác động mạnh hơn rất nhiều. Ví dụ như Thái Lan đã chứng kiến xuất khẩu gạo trong 4 tháng đầu năm 2020 giảm 16% về giá trị và 32% về lượng; xuất khẩu trái cây và tiêu lần lượt giảm 34% và 55%. Giá thanh long Thái Lan xuất khẩu đã giảm 85%. Dự báo xuất khẩu nông sản của Thái Lan có thể giảm đến 22% trong năm nay, trong đó mặt hàng ảnh hưởng mạnh là tôm, dầu thực vật, trái cây và gạo. Nông dân Philippin và Indonesia đã phải đổ bỏ nông sản hoặc cho làm thức ăn gia súc. Điểm sáng lớn là lúa gạo đạt kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 1,7 tỷ đô la Mỹ, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo xuất khẩu đạt mức cao nhất trong vòng 8 năm trở lại đây và liên tục có các đơn đặt hàng mới.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu nông sản của Việt Nam thay đổi. Hoa Kỳ đã có lúc thay thế Trung Quốc trở thành thị trường lớn nhất với kim ngạch tháng 5 tăng 222 triệu đô la Mỹ (tăng 7,0%), trong khi xuất khẩu sang Trung Quốc giảm 675 triệu đô la Mỹ (giảm 15,5%), sang EU giảm 19 triệu đô la Mỹ (giảm 1,1%). Tuy nhiên, đến tháng 7 thì thị trường Trung Quốc có dấu hiệu hồi phục rõ, Trung Quốc vẫn là thị trường chiếm thị phần xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Lũy kế kim ngạch xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2020 sang Trung Quốc đạt gần 5,4 tỷ đô la Mỹ, giảm 11,1% so với cùng kỳ và chiếm 24,1% thị phần xuất khẩu của Việt Nam; tiếp đến là Hoa Kỳ ước đạt 5,2 tỷ đô la Mỹ, tăng 9,5% so với cùng kỳ và chiếm 23,1% thị phần.

Hiện nay, các nước vẫn hạn chế lưu thông hàng hóa sẽ có thể khiến các doanh nghiệp kinh doanh gặp nhiều khó khăn thị trường. Hàng không các nước dừng bay khiến hàng hóa không lưu thông được. Dự báo, xuất khẩu các mặt hàng nông sản trong nửa cuối năm nay vẫn gặp nhiều khó khăn.

Trái với biến động của thị trường xuất khẩu, thị trường trong nước rất ổn định. Dù có dịch bệnh nhưng giá cả các mặt hàng nhìn chung ổn định, nhu cầu người dân luôn được đảm bảo. Việc tiêu thụ các mặt hàng thiết yếu có thể không bị ảnh hưởng nhiều thậm chí các siêu thị đều cho biết tiêu thụ mặt hàng gạo có xu hướng tăng 30%. Nhu cầu sản phẩm thịt tương đối ổn định, riêng nhu cầu thịt lợn vẫn cao do ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi. Nhu cầu rau quả, sau khi giãn cách xã hội được gỡ bỏ đã ổn định trở lại.

2.3 Tác động tới chuỗi cung ứng nông nghiệp

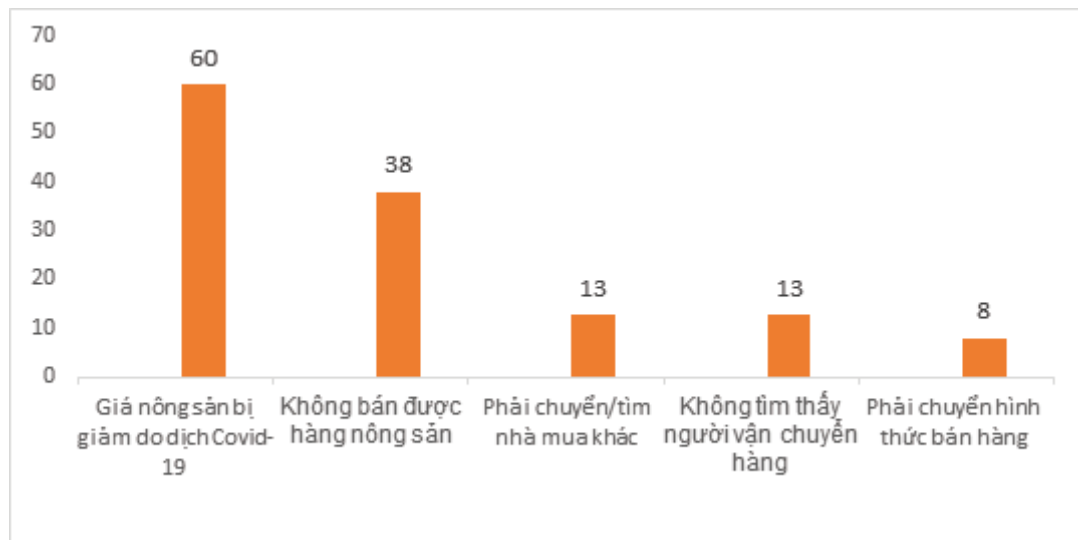
Tác động rõ nét nhất của đại dịch Covid-19 đến nông nghiệp là làm đứt đoạn các chuỗi cung ứng nông nghiệp, đặc biệt những ngành phải nhập khẩu đầu vào nhiều như thủy sản (kim ngạch xuất khẩu giảm 12%). 6 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu vật tư nông nghiệp như thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu giảm 10,6%; nhập khẩu phân bón giảm 9,9%; nhập khẩu thuốc trừ sâu và nguyên liệu giảm 25,6%. Nhập khẩu cây, con giống từ Trung Quốc, Hoa Kỳ, EU và nhiều nơi khác gặp khó khăn. Nguồn cung thiếu hụt đã làm tăng giá nhiều loại thức ăn chăn nuôi trong nước. Tuy nhiên các doanh nghiệp trong ngành khá chủ động tìm giải pháp vượt khó nên một số ngành hàng không bị ảnh hưởng quá nặng nề, ví dụ lâm nghiệp, trồng trọt, (kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2020 giảm 2 - 3% so với cùng kỳ năm 2019).

Theo Tổng cục Thống kê, tính chung 6 tháng đầu năm 2020, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới giảm 7,3% với số vốn đăng ký giảm 19% và số lao động đăng ký giảm 21,8% so với cùng kỳ năm trước. Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn tăng 38,2% so với 6 tháng đầu năm 2019. Theo khảo sát của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 78,7% doanh nghiệp nông nghiệp bị tác động của dịch, bao gồm giảm thị trường tiêu thụ, hàng sản xuất ra không xuất khẩu được, thiếu hụt nguyên liệu đầu vào, thiếu vốn lưu động để trả lương, lãi vay, thuê mặt bằng,... Theo Liên minh Hợp tác xã, gần 70% thành viên không nhận được giống cây con, giá bán nông sản giảm 45% so với tháng 12/2019, kim ngạch xuất khẩu nông sản sang thị trường Trung Quốc giảm 40%.

Việc giãn cách xã hội ảnh hưởng nhiều tới phương thức thương mại truyền thống vì thế mà các hình thức mua bán hiện đại, thương mại điện tử, sàn giao dịch đổi mới ngày càng phát triển và đây thực sự là xu hướng quan trọng trong thời gian tới cần phát huy. Rất nhiều đơn vị cung cấp thực phẩm cho biết doanh thu từ bán trực tuyến, qua mạng tăng mạnh mẽ.

Ở cấp hộ gia đình, khảo sát “Đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đến nông dân sản xuất nhỏ và người dân nông thôn” cho thấy việc tiêu thụ nông sản của hộ nông nghiệp cũng bị ảnh hưởng, khoảng 60% số người được hỏi cho biết giá nông sản của họ bị giảm trong giai đoạn từ tháng 1 đến cuối tháng 6 năm 2020, đồng thời, có một số hộ sản xuất nông nghiệp không bán được sản phẩm nên phải lưu kho hoặc để thối, hỏng. Đặc biệt, có 8% số hộ nông nghiệp được khảo sát chuyển hình thức tiêu thụ nông sản, một số dần dần chuyển qua hình thức bán hàng trực tuyến.

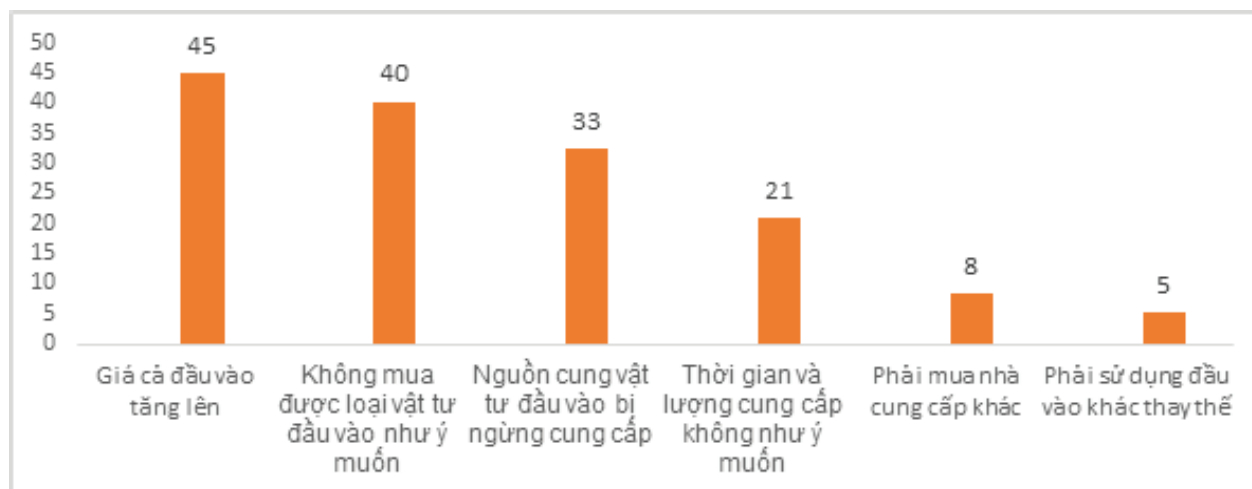
Hình 4: Tác động của đại dịch Covid-19 đến việc tiêu thụ nông sản



Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

Bên cạnh đó giá cả đầu vào cũng tăng lên. 45% số hộ nông nghiệp được khảo sát không mua được phân bón, thuốc trừ sâu, giống với số lượng như mong muốn hoặc phải chuyển qua các nguồn cung ứng khác. 40,5% số hộ nông nghiệp không mua được vật tư đầu vào như ý muốn, 32,5% gặp khó khăn do nguồn vật tư đầu vào bị ngừng cung cấp, 20,8% gặp trở ngại do thời gian và lượng cung cấp không như ý muốn.

Hình 5: Tác động của đại dịch Covid-19 đến mua bán sản phẩm đầu vào nông nghiệp



Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

III. TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 TỚI HỘ GIA ĐÌNH NÔNG THÔN

Đại dịch Covid-19 là đòn giáng thêm vào cuộc sống vốn đã đầy thách thức, rủi ro của người dân nông thôn. Và lần này không chỉ ảnh hưởng đến thu nhập từ nông nghiệp do sức mua yếu mà còn ảnh hưởng nặng đến thu nhập phi nông nghiệp do các hoạt động sản xuất dịch vụ ngừng hoạt động. Hơn nữa, nhiều người dân nông thôn đi làm ở các thành phố, các khu công nghiệp đợt này sẽ quay trở về, tạo áp lực lớn cho chi tiêu chung của hộ, đồng thời giảm các nguồn tiền gửi về.

Nghiên cứu các tổ chức quốc tế như FAO, ACIAR, ILO, gần đây cho thấy rõ tác động cộng hưởng của những cú sốc do đại dịch gây thiếu hụt đầu vào và lao động, rất nhiều doanh nghiệp nhập khẩu, đặc biệt là các doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu đầu vào bị ảnh hưởng; các kênh phân phối bị ngưng trệ hoặc xáo trộn, các chuỗi cung ứng bị đứt gãy, thị trường tắc nghẽn;... những yếu tố này đều ảnh hưởng tới tăng trưởng của khu vực nông nghiệp nông thôn.

Đặc biệt, với các hộ nông thôn, yếu tố tác động liên quan đến giới và sức khỏe cũng cần được chú ý, đặc biệt là vấn đề an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng và sức khỏe của phụ nữ và trẻ em.

Tuy nhiên, nhờ nhiều vùng nông thôn Việt Nam không có ca nhiễm Covid-19 nên tâm lý xã hội ổn định hơn, sản xuất và tiêu dùng tại chỗ ít bị ảnh hưởng hơn so với các đô thị. Các cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ có liên quan tới đô thị và xuất khẩu bị ảnh hưởng nhiều hơn, chủ yếu do suy giảm thị trường tiêu thụ.

3.1. Bối cảnh sinh kế của hộ gia đình nông thôn Việt Nam

Theo tính toán của Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT dựa trên số liệu VHLSS 2018, nhóm hộ nông nghiệp ở nông thôn vừa làm nông nghiệp vừa làm công chiếm xấp xỉ 30% tổng số hộ nông thôn. Nhóm hộ phổ biến thứ hai là nhóm hộ thuần nông nhưng tỷ lệ của nhóm này đang có xu hướng giảm dần, từ 21,4% năm 2002 xuống 16,1% năm 2016. Trong khi đó, số lượng hộ thuần làm công đang có xu hướng tăng, từ 8,5% năm 2002 lên 15,3% năm 2016. Còn lại là các hộ nông nghiệp và kinh doanh hoặc kết hợp nông nghiệp, làm thuê và kinh doanh hoặc không làm việc. Như vậy các hộ nông thôn rất đa dạng. Đại dịch Covid-19 làm thị trường nông sản đình trệ ảnh hưởng nhiều tới các hộ làm nông nghiệp, nhất là các hộ sản xuất hàng không thiết yếu. Tuy nhiên, giãn cách xã hội do đại dịch cũng ảnh hưởng tới các hộ có tham gia các hoạt động phi nông nghiệp bao gồm các hoạt động kinh doanh tại địa phương, người lao động đi làm tại các thành phố, làm công ăn lương làm thuê tại các doanh nghiệp và tỷ lệ này hiện nay là rất lớn. Trong số các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi đại dịch, có 66,8% doanh nghiệp phải cắt giảm, giãn hoặc cho người lao động nghỉ luân phiên, 39,5% doanh nghiệp giảm lương, 18,9% giảm số lao động (GSO, 2020).

Việt Nam là nước có quy mô dân số lớn, tháp dân số tương đối trẻ và đang ở thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” với nguồn nhân lực dồi dào. Bình quân, mỗi năm Việt Nam có khoảng gần một triệu người bước vào độ tuổi lao động. Trong điều kiện bình thường, lực lượng lao động đông đảo là nguồn lực quý báu cho sản xuất, phát triển kinh tế. Tuy nhiên, trong điều kiện khủng hoảng, sản xuất thu hẹp, đây lại là thách thức xã hội với gánh nặng thất nghiệp và thiếu việc làm.

Công nghiệp hóa và đô thị hóa tiếp tục thúc đẩy chuyển dịch lao động nông thôn - thành thị. Tỷ trọng

lực lượng lao động thành thị trên tổng lực lượng lao động tăng lên đáng kể trong những năm gần đây, từ 23,1% năm 2000 lên 35,2% năm 2019.

Theo tính toán của Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT từ dữ liệu VHLSS năm 2018, tỷ lệ thành viên của hộ nông thôn có công việc chính (công việc chiếm nhiều thời gian nhất) là phi nông nghiệp chiếm 50%², trong đó khoảng 35% số thành viên có công việc chính là đi làm thuê và 15% thành viên có công việc chính tự kinh doanh. Bên cạnh các công việc chính, rất nhiều thành viên đều có công việc phụ thêm khác. Trong tổng số thành viên của hộ việc làm chính là nông nghiệp thì có 45% số thành viên có việc làm phụ là phi nông nghiệp.

Mặc dù, 35% số thành viên của hộ có công việc chính là đi làm thuê nhưng công việc cũng rất bấp bênh. Hầu hết lao động nông thôn ra đô thị chỉ làm các công việc đơn giản như xây dựng, “xe ôm”, bốc vác, giúp việc... mà không có việc làm ổn định, không có hợp đồng lao động, bảo hiểm, chỗ ở... Theo kết quả VHLSS 2018, chỉ có 19,5% số lao động nông thôn đi làm thuê là được làm ở khu vực chính thức (tức là có hợp đồng và bảo hiểm). Cho dù đã có nhiều thay đổi với các quy định về cư trú để việc đi lại sinh sống của người dân được tự do hơn, nhưng yêu cầu về hộ khẩu ở thành thị vẫn là một cản trở. Do đó trong thực tế, có một số lớn cư dân sống và làm việc ở thành phố mà không đăng ký cư trú chính thức. Nhiều khả năng họ không được hưởng các gói cứu trợ chính thức do không có trong thống kê dân số sở tại.

Khủng hoảng kinh tế có thể khiến tình trạng thất nghiệp tăng lên và điều kiện làm việc trở nên khó khăn hơn, dẫn đến dòng di cư “ngược trở lại nông thôn”, làm trầm trọng thêm tình hình thiếu việc làm ở khu vực nông thôn. Hiện tượng này đã xảy ra vào thời kỳ khủng hoảng tài chính 2008-2009 và hoàn toàn có khả năng lặp lại lần này.

3.2. Tác động của đại dịch Covid-19 đến việc làm nông thôn

Để đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 tới việc làm của hộ gia đình nông thôn, nghiên cứu chia thành 4 nhóm việc làm chính của hộ Nông thôn, gồm: nông nghiệp, làm công tại doanh nghiệp, tự sản xuất và kinh doanh và lao động phi chính thức.

Kết quả khảo sát với 1300 hộ gia đình nông thôn tại 12 tỉnh do Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT cho thấy những hộ có thành viên làm tại các doanh nghiệp bị ảnh hưởng rất nặng nề. 75% số hộ được khảo sát có thành viên đi làm tại doanh nghiệp cho biết việc làm của thành viên hộ gia đình bị ảnh hưởng trong thời gian xảy ra đại dịch đến cuối tháng 6 năm 2020. Hầu hết việc làm tại doanh nghiệp bị ảnh hưởng dưới những hình thức bị tạm ngưng hoặc mất việc, bị giảm thu nhập.

Với các hộ có thành viên có việc làm phi chính thức, không có bảo hiểm xã hội, không được ký hợp đồng lao động, khoảng 83% số hộ được khảo sát cho biết công ăn việc làm của họ bị ảnh hưởng nặng do đại dịch Covid-19, nhất là trong giai đoạn thực hiện giãn cách xã hội thì thu nhập có khi bằng không.

² Tỷ lệ này chỉ tính trong tổng số thành viên từ 15 tuổi trở lên. Trong VHLSS, mỗi thành viên của hộ đều được hỏi công việc Chính (công việc chiếm nhiều thời gian nhất), và công việc Phụ (chiếm thời gian ít hơn).

Bảng 2: Tỷ lệ hộ nông thôn chịu tác động của đại dịch Covid-19 phân theo loại việc làm và nhóm hộ (%)

	Việc làm nông nghiệp	Việc làm tại doanh nghiệp	Tự sản xuất kinh doanh	Việc làm phi chính thức
Chung	35,2	74,5	63,3	83,0
Tỉnh có biên giới	38,8	64,2	71,1	86,8
Tỉnh khác	28,7	89,3	28,9	77,1
Hộ nghèo	36,5	77,5	45,9	81,5
Hộ không nghèo	34,1	71,4	71,6	84,8
Chủ hộ là nam giới	38,0	75,5	66,7	80,8
Chủ hộ là nữ giới	32,0	73,3	60,2	85,3
Dân tộc Kinh	35,0	80,6	62,5	82,2
DTTS	35,4	68,1	64,0	83,6

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

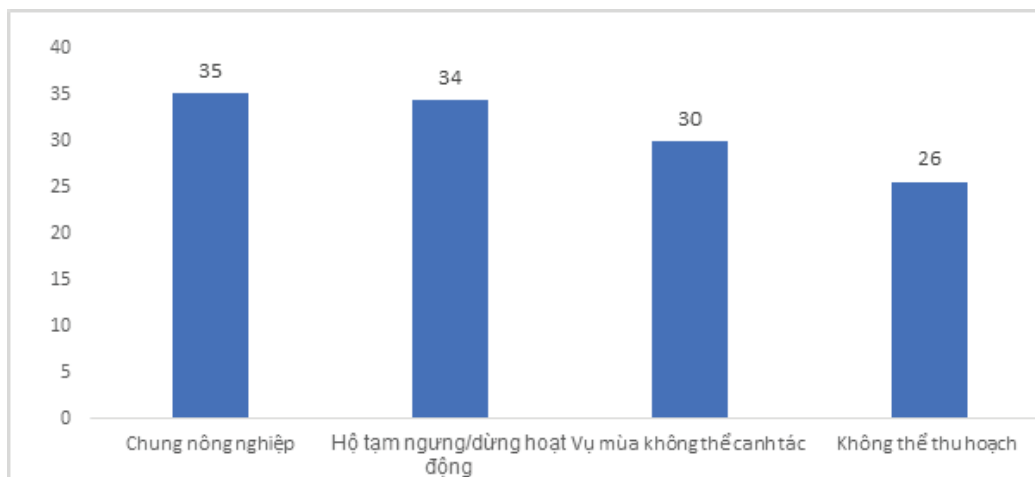
Theo kết quả khảo sát việc làm tự sản xuất kinh doanh của nhóm hộ không nghèo bị ảnh hưởng nhiều nhất (76,9%); trong nhóm hộ nghèo, việc làm phi chính thức bị ảnh hưởng hơn cả (53,9%).

Xét theo chiều cạnh nhóm hộ nông thôn ở tỉnh có biên giới và các tỉnh khác, việc làm tự sản xuất kinh doanh và việc làm phi chính thức của các hộ gia đình ở vùng biên giới chịu ảnh hưởng nặng hơn, với tỷ lệ lần lượt là 71,1% và 63,2%.

So sánh khía cạnh về giới, tác động của đại dịch Covid-19 đến thu nhập theo giới tính chủ hộ không thể hiện sự khác biệt lớn. Sự khác biệt trong tác động của đại dịch Covid-19 đến việc làm của các nhóm dân tộc (dân tộc Kinh và DTTS) cũng không lớn, ngoại trừ khác biệt đáng kể nhất trong tác động của Covid-19 đến việc làm tại doanh nghiệp: Việc làm tại doanh nghiệp của 80,6% nhóm trả lời là dân tộc Kinh bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, trong khi tỷ lệ này với nhóm DTTS là 68%.

3.2.1. Tác động của đại dịch Covid-19 đến việc làm nông nghiệp của hộ gia đình

Hình 6: Tỷ lệ hộ nông thôn bị đại dịch Covid-19 tác động đến việc làm nông nghiệp (%)



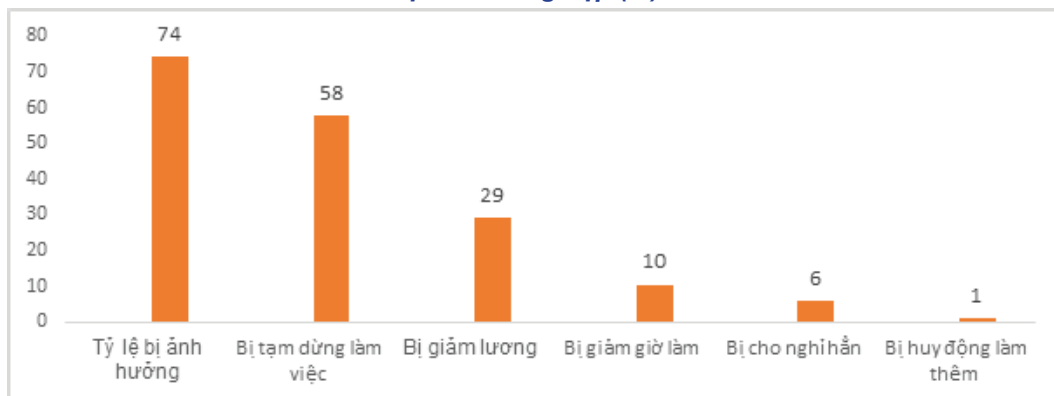
Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

Có 35% số hộ được khảo sát có việc làm nông nghiệp cho biết hoạt động sản xuất nông nghiệp của họ bị ảnh hưởng bởi đại dịch. Trong đó, 34% số hộ bị tạm dừng hoạt động sản xuất nông nghiệp do giãn cách xã hội, ví dụ như không thể canh tác hay không thể thu hoạch. Một số hộ đi làm thuê nông nghiệp ở bên ngoài cũng không thể sang xã khác để làm việc được. Trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát, chính quyền địa phương các xã không cho phép lao động di chuyển giữa các vùng khác nhau để giảm nguy cơ lây nhiễm, điều này cũng là một kênh tác động lớn đến việc làm nông nghiệp.

3.2.2. Tác động của đại dịch Covid-19 đến việc làm tại doanh nghiệp của hộ gia đình

Tỷ lệ hộ có thành viên làm việc tại doanh nghiệp bị ảnh hưởng rất lớn lên tới 74,5%, phần lớn là do bị tạm dừng việc, bị giảm lương, giảm giờ làm, ngoài ra có một số ít bị huy động làm thêm do các nhu cầu khác nhau của từng doanh nghiệp (Hình 7).

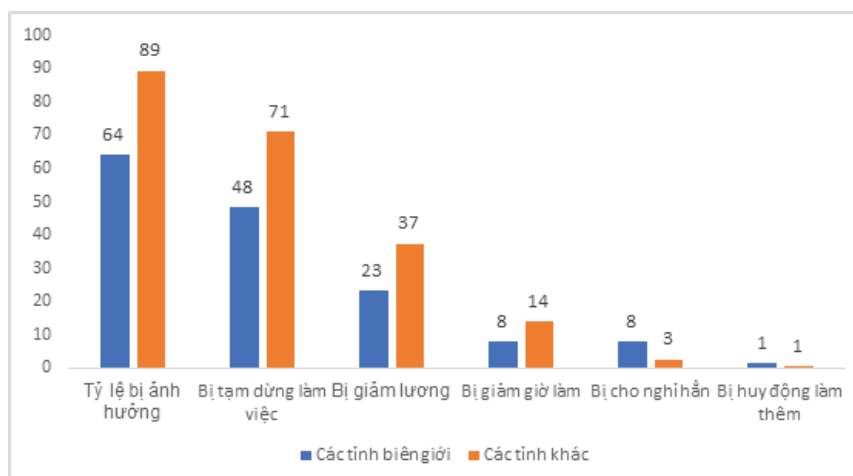
Hình 7: Tỷ lệ hộ nông thôn bị đại dịch Covid-19 tác động đến việc làm tại doanh nghiệp (%)



Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

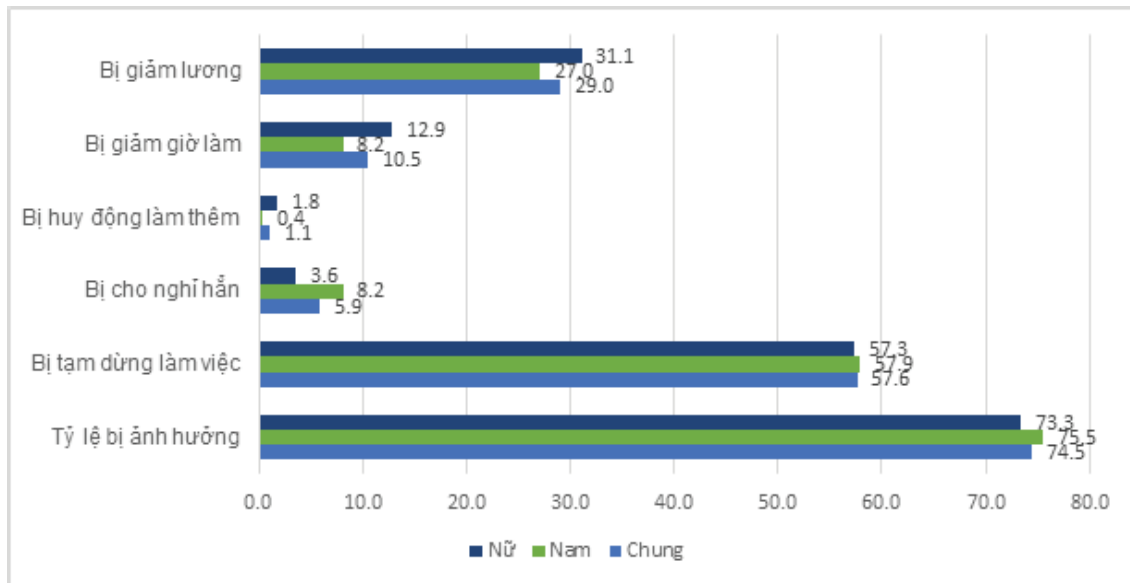
Để đánh giá tác động của đại dịch đến việc làm tại doanh nghiệp, nghiên cứu cũng so sánh giữa các tỉnh biên giới và các tỉnh khác (Hình 8). Kết quả cho thấy, việc làm tại doanh nghiệp của các hộ gia đình được khảo sát ở các tỉnh khác bị ảnh hưởng nhiều hơn (khoảng 90% bị ảnh hưởng; trong đó, bị tạm dừng làm việc khoảng 71,1%) so với con số tương ứng tại các tỉnh biên giới (khoảng 64,2% và tỷ lệ bị tạm dừng làm việc là 48,3%).

Hình 8: Tỷ lệ hộ nông thôn bị đại dịch Covid-19 tác động đến việc làm tại doanh nghiệp phân theo tỉnh biên giới và các tỉnh khác (%)



Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

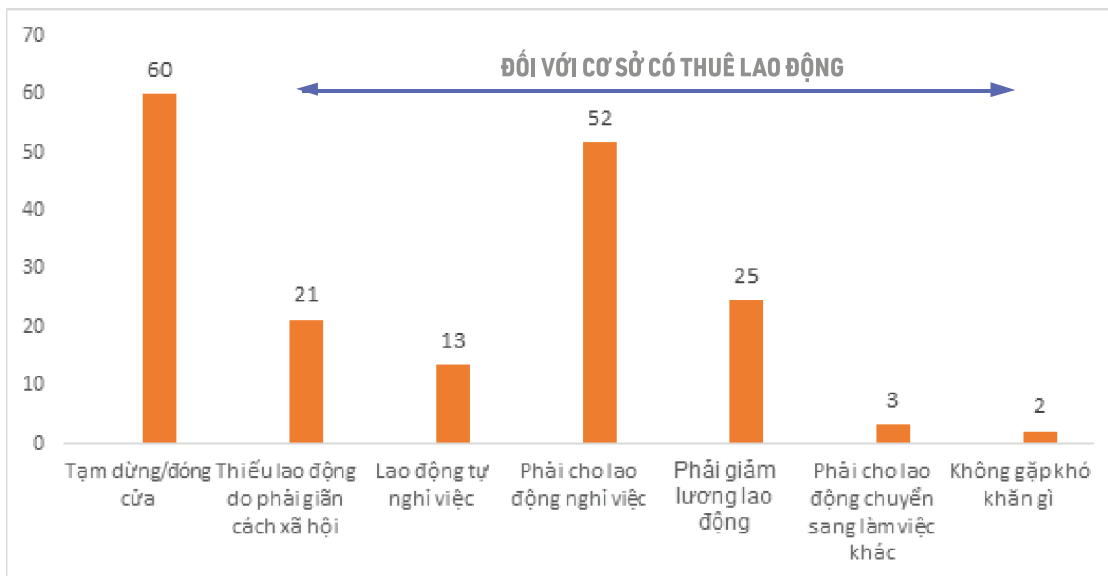
Hình 9: Tỷ lệ hộ nông thôn bị đại dịch Covid-19 tác động đến việc làm doanh nghiệp phân theo giới tính.



Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

Hình 9 cho thấy do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tỷ lệ lao động nữ bị giảm lương và giảm giờ làm tại doanh nghiệp cao hơn khoảng 4% so với tỷ lệ tương ứng đối với nam. Trong khi tỷ lệ lao động nam bị cho nghỉ việc hẳn tại doanh nghiệp lại cao hơn trên 4% so với lao động nữ.

Hình 10: Tỷ lệ hộ nông thôn bị đại dịch Covid-19 tác động đến việc làm tại các cơ sở sản xuất kinh doanh (%)



Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

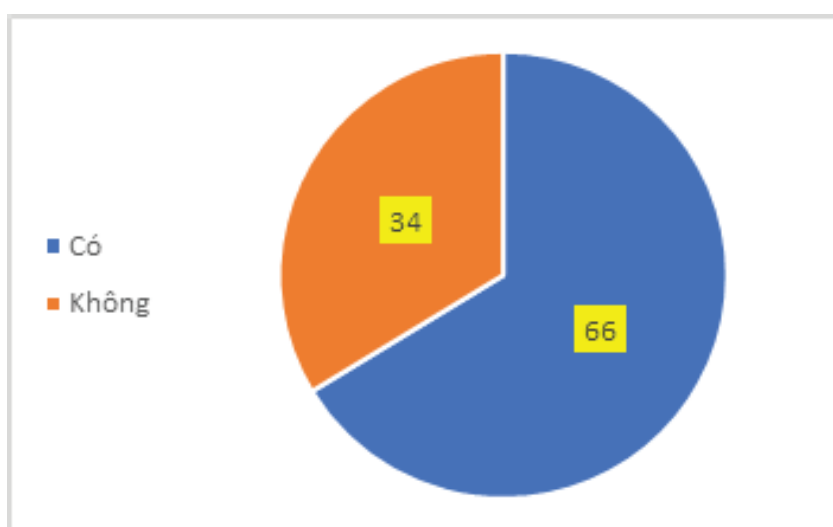
Với những hộ có cơ sở sản xuất kinh doanh, vấn đề lớn nhất họ gặp phải là bị tạm dừng hoạt động hoặc đóng cửa (60,1%) (Hình 10). Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh có thuê lao động, chiếm khoảng 18,3% trong tổng số hộ sản xuất kinh doanh được khảo sát, 13,5% số hộ trong nhóm này có lao động tự nghỉ việc do ảnh hưởng của việc giãn cách xã hội phòng dịch bệnh, 51,7% phải cho lao động nghỉ việc,

21,4% bị thiếu lao động do giãn cách xã hội, 24,7% đã phải giảm lương lao động, và một số phải cho lao động chuyển sang làm việc khác.

3.2.3. Tác động của đại dịch Covid-19 đến việc làm của lao động nông thôn di cư

Lao động nông thôn di cư đặc biệt dễ bị tổn thương và ít có khả năng được hưởng bảo hiểm (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, ...). Kết quả khảo sát của Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT năm 2020 cho thấy có khoảng 66,3% số hộ có lao động đi làm xa bị tạm dừng/ngỉ việc do đại dịch Covid-19. Khi bị mất việc, họ buộc phải trở về quê, điều này sẽ tạo áp lực đối với việc làm nông thôn để thẩm thấu lực lượng lao động hồi hương. Đồng thời, khi việc làm của lao động di cư bị giảm sút, tiền gửi của họ về gia đình, là thu nhập chính của nhiều hộ nông thôn, cũng bị giảm. Điều này tác động đáng kể đến các vấn đề ở nông thôn như sinh kế, an ninh lương thực và dinh dưỡng của những người phụ thuộc.

Hình 11: Tỷ lệ hộ nông thôn có lao động đi làm xa bị tạm dừng/ngỉ việc do đại dịch Covid-19 (%)



Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

3.3. Tác động tới thu nhập và chi tiêu của dân cư nông thôn

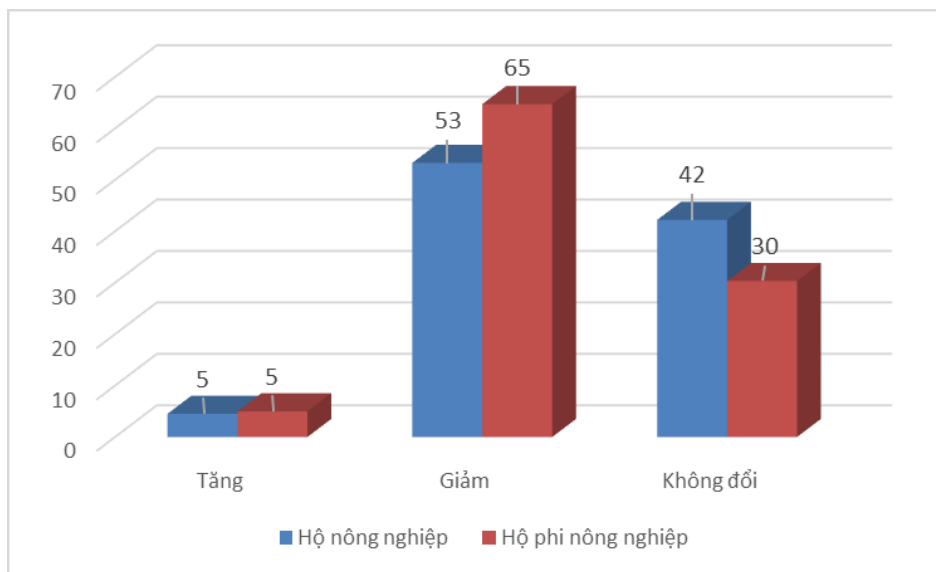
3.3.1. Tác động của đại dịch Covid-19 tới thu nhập của hộ gia đình nông thôn

Theo Tổng cục Thống kê, thu nhập bình quân đầu người năm 2018 ở thành thị đạt 67,5 triệu đồng, ở nông thôn là 35,9 triệu đồng. Như vậy trung bình một tháng thu nhập của người dân nông thôn là khoảng 3 triệu đồng. Trong tổng thu nhập của người dân nông thôn thì có khoảng 22,7% là từ nông nghiệp, còn lại 77,3% là từ các hoạt động khác, trong đó từ tiền lương tiền công là 44,6%, từ các hoạt động phi nông nghiệp tại chỗ là khoảng 20% và phần còn lại là 12,5%.

Bức tranh về thu nhập cho thấy, việc giãn cách xã hội do đại dịch Covid-19 sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ đến thu nhập của người nông dân. Trước mắt do việc đóng cửa hàng kinh doanh nên thu nhập phi nông nghiệp tại chỗ chiếm 20% thu nhập của người dân bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó, như phân tích ở trên, các hoạt động làm công, lương bên ngoài cũng bị tác động rất mạnh, một số các dịch vụ kinh doanh cũng bị dừng lại. Nguồn thu nhập chính của này của các hộ sẽ bị giảm mạnh. Do nhu cầu thị trường đi xuống, nên giá các mặt hàng nông sản không thiết yếu cũng bị giảm, do đó thu nhập người nông dân cũng có thể bị giảm xuống.

Kết quả khảo sát năm 2020 của Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT cho thấy có khoảng 65% hộ phi nông nghiệp bị giảm thu nhập trong thời gian đại dịch Covid-19 bùng phát từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2020 và trong giai đoạn sau đó do ảnh hưởng của các biện pháp nhằm kiểm soát dịch bệnh (Hình 12). Tại các địa phương được khảo sát, hầu hết các hộ gia đình – nhất là những hộ có hoạt động sản xuất và kinh doanh nhỏ - bị ảnh hưởng rất nhiều. Số liệu khảo sát cũng cho thấy một số ít các hộ nông nghiệp sản xuất lúa và rau có thu nhập tăng thêm do giá lúa và giá rau tăng phục vụ nhu cầu thiết yếu của xã hội trong giai đoạn khảo sát.

Hình 12: Tỷ lệ hộ nông thôn tăng, giảm hoặc giữ nguyên thu nhập so với trước dịch (%)



Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

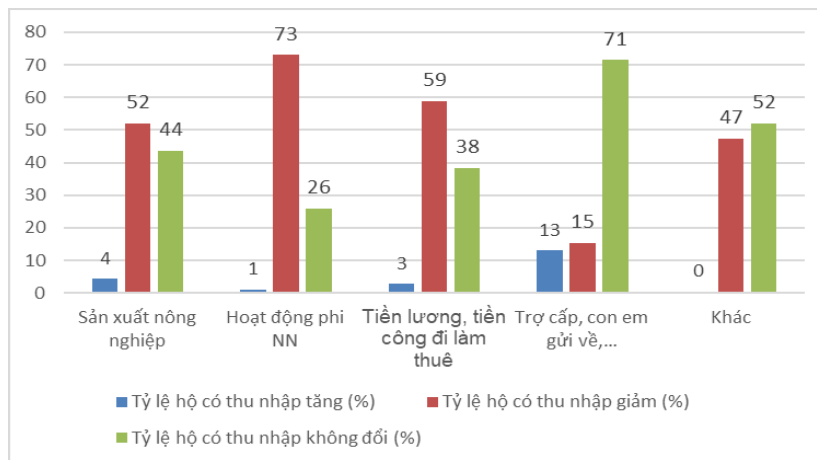
Ghi chú:

* Hộ phi nông nghiệp là những hộ không có hoạt động nông nghiệp, chủ yếu đi làm thuê và có cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ.

** Hộ nông nghiệp là những hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp, có thể là hộ thuần nông hoặc có thêm các nguồn thu nhập phi nông nghiệp khác.

Hình 13 trình bày kết quả khảo sát tác động của đại dịch Covid-19 đến thu nhập của hộ gia đình nông thôn phân theo hoạt động sinh kế chính. Những hộ có nguồn thu nhập chủ yếu từ hoạt động phi nông nghiệp bị tác động tiêu cực nhất: 73% bị giảm thu nhập với mức giảm trung bình 46,8%; hơn một nửa số hộ cho biết tiền công và thu nhập từ nông nghiệp của họ bị ảnh hưởng với mức giảm trung bình 38,3%. Trong những hộ có sinh kế chính từ sản xuất nông nghiệp, 52% số hộ bị giảm thu nhập với mức giảm trung bình là 29,4%. Trong số các hộ có thu nhập chính từ đi làm công ăn lương, 59% cho biết bị giảm thu nhập với mức giảm bình quân là 38,3%. Kết quả đánh giá nhanh tương đồng với kết quả đánh giá của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội là hộ nông nghiệp ít chịu ảnh hưởng của đại dịch tới thu nhập hơn so với nhóm hộ khác.

Hình 13: Tác động của đại dịch Covid-19 đến thu nhập của hộ nông thôn (%)



Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

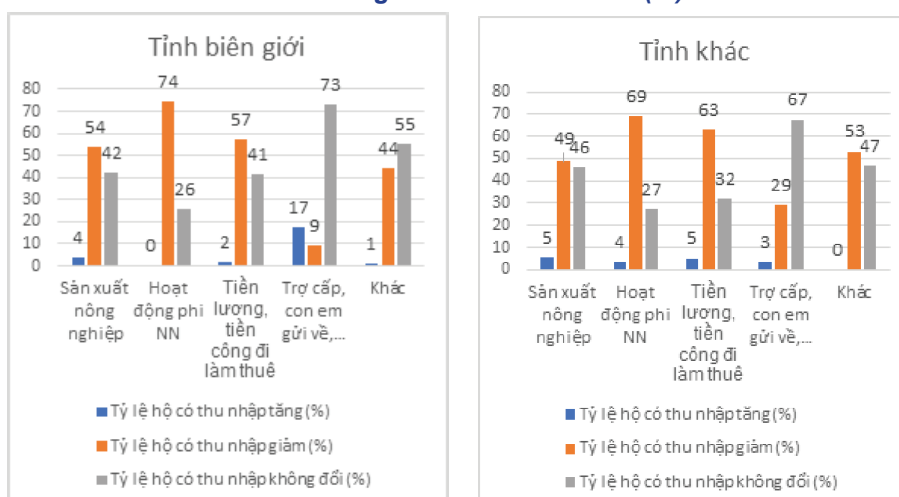
Nghiên cứu còn cho thấy sự khác nhau giữa tác động của đại dịch đến nguồn thu nhập phân theo hộ nằm ở các tỉnh có biên giới và các tỉnh khác. Trung bình thu nhập của hộ ở các tỉnh biên giới giảm 41,4%, các tỉnh khác giảm 33,4%. Mức giảm cụ thể theo nguồn thu như sau:

Với các hộ được khảo sát tại những tỉnh biên giới, trong thời gian xảy ra đại dịch Covid-19 đến cuối tháng 6 năm 2020, 29,9% số hộ được khảo sát cho biết thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp giảm, 49,7% hộ có hoạt động phi nông nghiệp bị giảm thu nhập, tỷ lệ bị giảm hoặc mất thu nhập với những hộ có thu nhập từ tiền công và tiền lương là 46,2%, 42,5% số hộ có nguồn thu từ trợ cấp, tiền con em đi làm xa gửi về cũng bị giảm đi, và 38,5% cho biết hộ bị giảm thu nhập từ các nguồn khác.

Với các hộ được khảo sát ở những tỉnh khác, có 28,5% số hộ bị giảm thu nhập từ sản xuất nông nghiệp, 37,6% bị giảm thu nhập từ các hoạt động phi nông nghiệp, 24,7% bị giảm thu nhập từ tiền công và tiền lương, 31,1% bị giảm thu nhập từ tiền trợ cấp và tiền con em đi làm xa gửi về, và 45,2% số hộ có thu nhập từ những nguồn khác bị giảm trong thời gian xảy ra đại dịch Covid-19 đến cuối tháng 6 năm 2020.

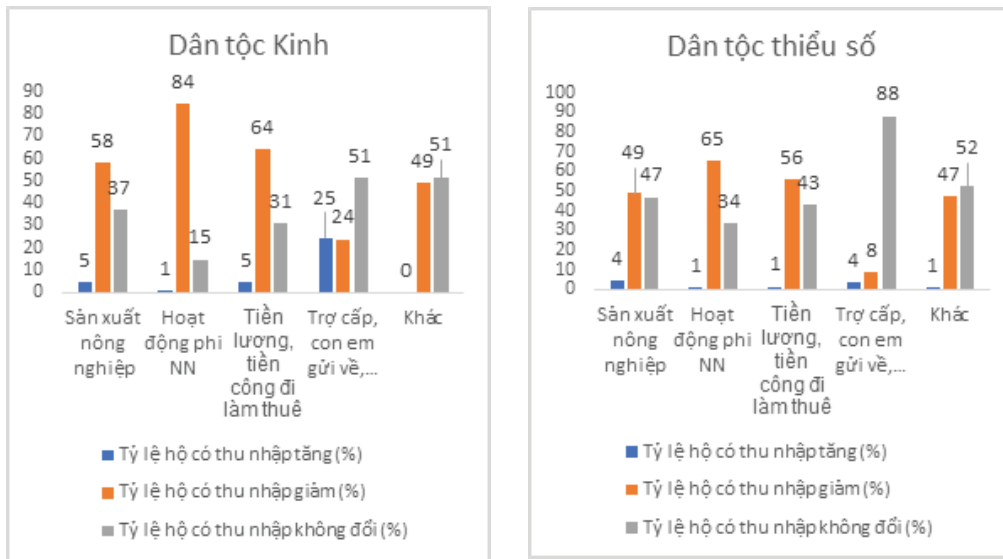
Như vậy các hộ gần khu vực biên giới, đặc biệt là các hộ đi làm thuê trong ngành dịch vụ bị ảnh hưởng mạnh hơn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, bình quân mức giảm thu nhập của các hộ này là 41%; trong khi mức giảm thu nhập ở những tỉnh khác là 32%.

Hình 14: Tác động của đại dịch Covid-19 đến các nguồn thu nhập ở tỉnh biên giới và các tỉnh khác (%)



Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

Hình 15: Tác động của đại dịch Covid-19 đến các nguồn thu nhập phân theo nhóm dân tộc (%)

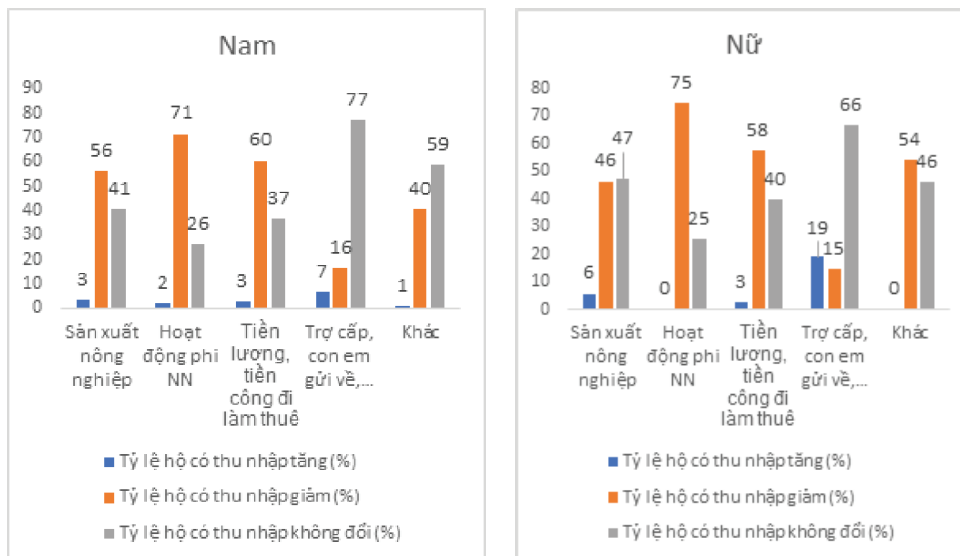


Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

Hình 15 cho thấy thu nhập từ sản xuất nông nghiệp, hoạt động phi nông nghiệp và tiền lương, tiền công của nhóm dân tộc Kinh đều bị ảnh hưởng tiêu cực mạnh hơn bởi đại dịch Covid-19 so với nhóm dân tộc thiểu số (DTTS): 84% hộ dân tộc Kinh bị giảm thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp trong khi tỷ lệ tương ứng của nhóm DTTS là 65%, con số tương ứng đối với sản xuất phi nông nghiệp là 57,9% so với 49%, và với tiền lương tiền công là 64% so với 55,64%.

Trái lại, thu nhập từ tiền trợ cấp và tiền gửi của con em đi làm xa của nhóm DTTS hầu như không thay đổi (88% người trả lời), trong khi con số này của nhóm dân tộc Kinh là 51,4%. Khoảng 25% hộ gia đình thuộc nhóm dân tộc Kinh bị giảm thu nhập từ tiền trợ cấp và tiền gửi của con em đi làm xa.

Hình 16: Tác động của đại dịch Covid-19 đến các nguồn thu nhập phân theo giới tính của người trả lời (%)



Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

Tác động của đại dịch Covid-19 đến nguồn thu nhập của hộ không khác biệt nhiều theo giới tính người trả lời - khác biệt chỉ từ khoảng 4 đến 10 điểm phần trăm (Hình 16).

3.3.2. Tác động của đại dịch Covid-19 tới chi tiêu của hộ gia đình nông thôn

Giảm thu nhập ảnh hưởng lớn đến chi tiêu của hộ. Theo VHLSS, năm 2018 người dân thành thị sử dụng 62% thu nhập để chi tiêu; tỷ lệ này là 69% với người dân nông thôn. 43% chi tiêu của người dân thành thị là chi cho lương thực, thực phẩm trong khi tỷ lệ này của người dân nông thôn là 45%. Như vậy với mức thu nhập bị giảm đi thì trung bình các hộ nông thôn chỉ đủ chi tiêu. Tất nhiên là các hộ còn có tích lũy và có thể sẽ phải sử dụng nguồn này. Tuy nhiên tích lũy của các hộ nông thôn hàng năm không nhiều, đối với các hộ nông thôn trung bình chỉ khoảng trên 10 triệu đồng/hộ. Với mức tích lũy trong một năm này các hộ nông thôn có thể đảm bảo đủ chi tiêu ở mức bình thường (hơn 2 triệu đồng/người/tháng ở nông thôn theo kết quả VHLSS 2018) trong khoảng 4-5 tháng, với điều kiện không có những khoản chi đột xuất, chẳng hạn như khám chữa bệnh, hoặc giá cả tăng đột biến.

Đây mới là ước tính cho một người dân nông thôn có mức sống trung bình. Còn lại trong nông thôn có nhiều hộ ở nhóm thu nhập thấp. Thậm chí nhóm hộ nghèo và cận nghèo ở nông thôn có thu nhập không đủ bù chi tiêu, vì vậy phải đi vay hoặc dựa vào các khoản trợ cấp từ người thân, bạn bè, chính phủ hoặc các tổ chức khác. Những hộ này sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong thời kỳ khủng hoảng. Trong những năm qua nhiều hộ nông thôn đã cải thiện việc làm thông qua đa dạng hóa sản xuất, tìm kiếm việc làm phi nông nghiệp, làm công.... Đại dịch Covid-19 đang tác động đến mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội nên việc đa dạng hóa sinh kế “truyền thống” không giúp ích được nhiều. Tuy nhiên, để đánh giá tác động rõ rệt của đại dịch Covid-19 tới chi tiêu thì cần có một cuộc khảo sát chi tiết về người tiêu dùng.

3.4. Tác động của đại dịch Covid-19 tới an sinh xã hội, tình trạng nghèo của hộ nông thôn

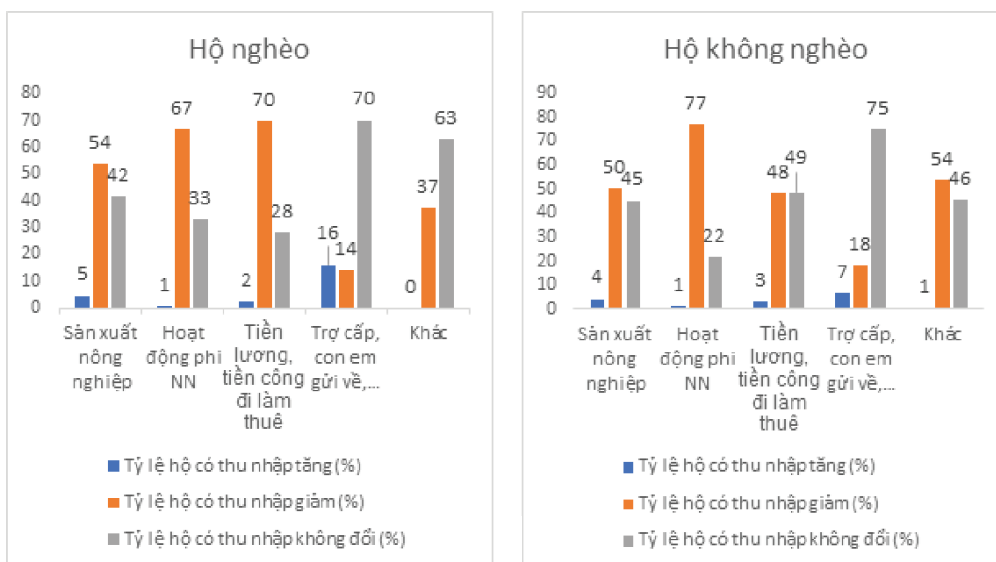
Thực trạng tiếp cận chăm sóc sức khỏe của người dân Việt Nam trong các năm từ 2010 đến nay luôn duy trì ở mức 40% người dân có khám chữa bệnh tính trong vòng 12 tháng. Cụ thể về khu vực nông thôn, tỷ lệ này đạt khoảng 38,2% năm 2016. Tỷ lệ người dân nông thôn có bảo hiểm y tế đang có xu hướng tăng nhanh, giảm dần khoảng cách so với khu vực thành thị. Năm 2004, người dân nông thôn có bảo hiểm y tế là 35,2%. Năm 2016, con số này đã tăng lên đến 77,6%. Tuy nhiên, chi phí cho dịch vụ y tế mà người dân nông thôn phải chi trả trực tiếp có xu hướng tăng lên khá nhanh theo thời gian. Năm 2002, chi phí y tế trực tiếp của hộ gia đình vùng nông thôn trung bình đạt 122,3 nghìn đồng/hộ/tháng và tăng lên đến 256,3 nghìn đồng/hộ/tháng năm 2016 (theo giá so sánh 2010). Mặc dù mọi chi phí khám chữa bệnh do virus Covid-19 gây ra hiện được Chính phủ chi trả toàn bộ, nhưng các chi phí khám chữa bệnh khác thì không được miễn giảm thêm. Do vậy, nếu điều kiện sống khó khăn hơn, nguy cơ về sức khỏe cao hơn sẽ là thách thức cho người dân nông thôn, nhất là nhóm người không có bảo hiểm y tế, hộ nghèo không có tích lũy, không có đất mà lại không có sinh kế thay thế.

Mặc dù có nhiều chính sách được ban hành và nhiều hình thức tổ chức được thành lập để tăng cường mạng lưới an sinh, hỗ trợ xã hội nhưng kết quả khảo sát nguồn lực hộ nông thôn cho thấy, hầu hết các hộ gia đình nông thôn đều phải tự lực để đối phó với những rủi ro mà họ gặp phải. Tuy gần đây tỷ lệ hộ tự ứng phó rủi ro có giảm nhẹ nhưng vẫn chiếm tới 90%. Các hộ chịu tác động của thiên tai, sâu bệnh, thay đổi giá cả nông sản, thiếu hụt lương thực hoặc thay đổi giá cả vật tư đầu vào có khả năng phục hồi tốt hơn so với những hộ gặp cú sốc vì bệnh tật, thương tật hoặc tử vong, việc làm, mất đất, đầu tư không

thành công. Theo khảo sát VHLSS năm 2016, trong các cơ chế tự ứng phó rủi ro, nhiều hộ tự co giảm chi tiêu (62%), sử dụng tiền tiết kiệm của hộ (17%), hoặc nhận trợ giúp từ người thân, bạn bè (16%). Chỉ có một phần nhỏ (khoảng 1%) hộ gia đình nhận tiền chi trả bảo hiểm. Tuy nhiên diện tác động của khủng hoảng lần này rất rộng, khiến các hộ sẽ khó nhận được trợ giúp từ người thân, bạn bè. Do đó vai trò của Chính phủ đảm bảo an sinh xã hội trong đợt dịch này hết sức quan trọng.

Nhờ những chính sách hiệu quả trong xóa đói giảm nghèo nên trong thời gian qua, tỷ lệ đói nghèo của Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể. Theo số liệu của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, năm 2018 cả nước có khoảng 1,3 triệu hộ nghèo (chiếm 5,23%) trong đó nông thôn chiếm trên 1,2 triệu hộ³. Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, thu nhập các hộ sẽ bị ảnh hưởng, đặc biệt các hộ nghèo tích lũy thấp do đó tình trạng tái nghèo chắc chắn sẽ cao hơn. Bên cạnh đó, số hộ cận nghèo cũng khá cao với 1,23 triệu hộ⁴, là nhóm hộ có nguy cơ cao rơi vào nhóm hộ nghèo nếu không có những chính sách hỗ trợ đặc biệt về thu nhập và tạo việc làm.

Hình 17: Tác động của đại dịch Covid-19 đến các nguồn thu nhập theo hộ nghèo và không nghèo (%)



Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

³ Theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020

⁴ Theo Quyết định 1052/QĐ-LĐTBXH ngày 19 tháng 7 năm 2019

VI. ỨNG PHÓ CỦA HỘ NÔNG THÔN TRƯỚC TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 VÀ KHẢ NĂNG TIẾP CẬN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CỦA CHÍNH PHỦ

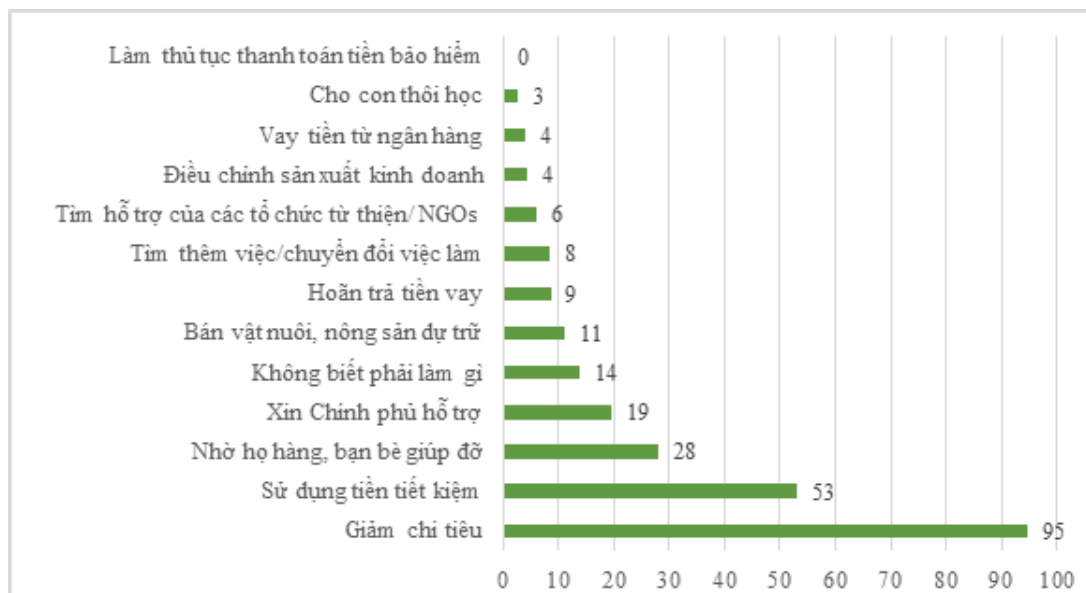
Đánh giá ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 tới tình trạng nghèo của hộ, số liệu khảo sát cho thấy không có sự khác nhau đáng kể trong tác động đến thu nhập của hộ nghèo và không nghèo. Trung bình thu nhập hộ nghèo giảm 37,1%, các hộ không nghèo giảm 39,7%. Số hộ nghèo bị ảnh hưởng đến thu nhập từ sản xuất nông nghiệp chiếm 58,3% trong tổng số hộ nghèo được khảo sát, con số này của nhóm hộ không nghèo là 54,8%. Tuy nhiên cũng cần lưu ý là hộ nghèo vốn đã rất khó khăn nên dù mức giảm thu nhập về tương đối cũng chỉ tương đương với hộ không nghèo nhưng thực tế hộ nghèo thậm chí có thể khó đáp ứng được nhu cầu tối thiểu về ăn mặc ở và sẽ khó phục hồi sau dịch hơn do không có tích lũy.

4.1. Ứng phó của hộ nông thôn trước tác động của đại dịch Covid-19

Kết quả khảo sát nhanh của Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT với 1300 hộ nông thôn tại 12 tỉnh cho thấy đại dịch xảy ra bất ngờ, phần lớn các hộ rất bị động. Phản ứng đầu tiên của hộ là cắt giảm chi tiêu (95%), sử dụng tiền tiết kiệm (53%), xin Chính phủ hỗ trợ (19%). Đáng chú ý, có một tỷ lệ dù rất nhỏ 3% cho con thôi học, đây là hiện tượng xã hội cần lưu ý và nên có một nghiên cứu sâu về vấn đề này.

Có thể thấy, phần lớn phương pháp ứng phó của các hộ đều là phương pháp tự thân trước một đợt khủng hoảng rất bất ngờ và trầm trọng này, với tác động nặng hơn và lâu dài hơn rất nhiều so với khủng hoảng năm 2009 (Hình 18).

Hình 18: Tỷ lệ hộ nông thôn áp dụng biện pháp ứng phó trước ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 (%)

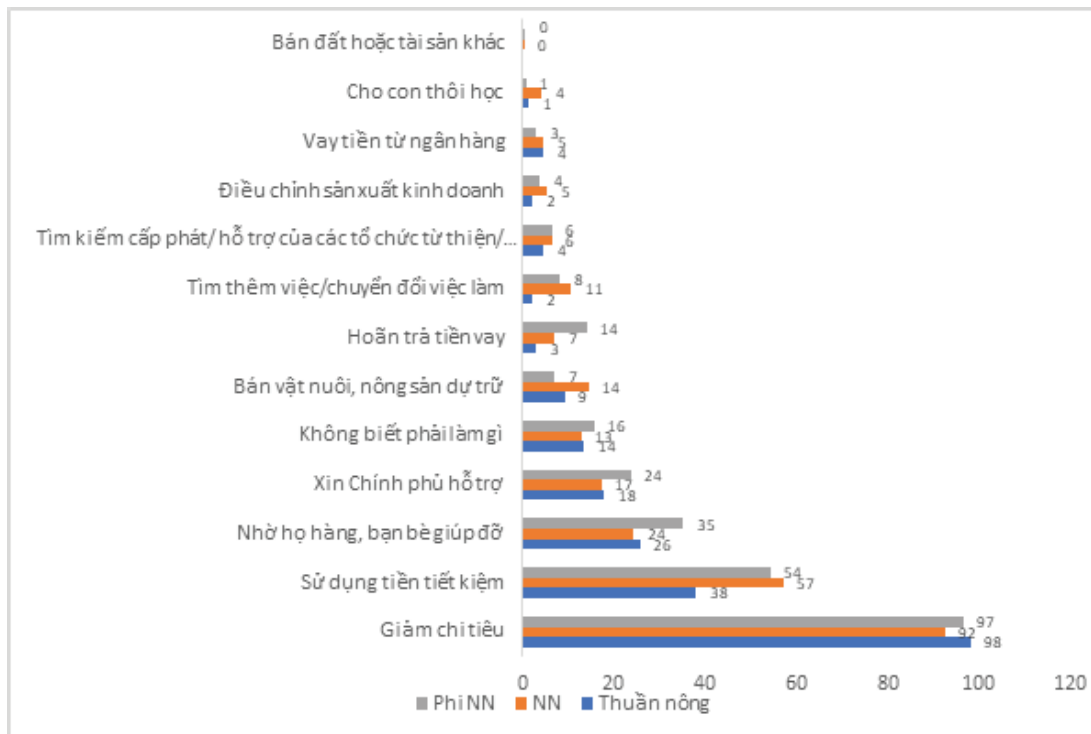


Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

Ứng phó của các nhóm hộ khác nhau phân theo nguồn sinh kế (phi nông nghiệp, nông nghiệp, thuần nông), Hình 19 cho thấy hộ thuần nông phải giảm chi tiêu mạnh nhất do thu nhập của họ rất thấp, trong khi đó, phần lớn chi tiêu của họ là cho những nhu cầu thiết yếu. Khả năng nhóm hộ thuần nông sử dụng tiết kiệm để ứng phó trong giai đoạn này cũng thấp hơn nhiều so với hai nhóm còn lại, vì tiết kiệm của họ rất ít hay thậm chí là không có tiết kiệm (theo số kết quả VHLSS 2018).

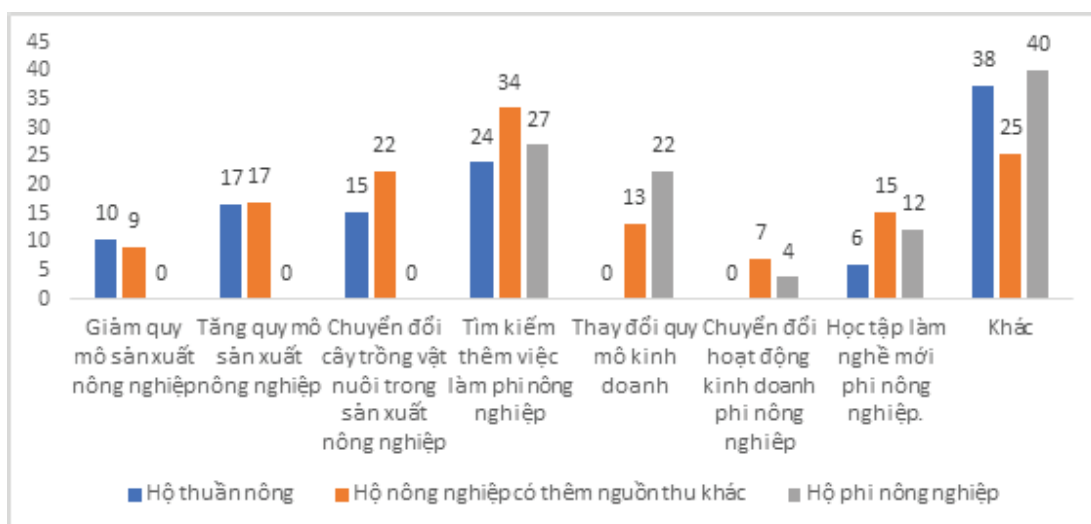
Mặt khác, tỷ lệ các hộ phi nông nghiệp phải hoãn trả tiền vay lớn hơn tỷ lệ tương ứng của hai nhóm còn lại vì phần lớn hộ phi nông nghiệp từ trước đã cần vay nhiều hơn để huy động vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh. Đây là những yếu tố cần tìm hiểu sâu hơn từ khảo sát nhanh này.

Hình 19: Ứng phó của hộ nông thôn trước ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 phân theo sinh kế chính của hộ (%)



Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

Hình 20: Tỷ lệ hộ nông thôn theo dự định về sinh kế trong giai đoạn tiếp theo (%)



Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

Kết quả khảo sát cũng chỉ ra sự khác nhau trong dự định sinh kế để vượt qua giai đoạn khó khăn này giữa các nhóm phân theo nguồn thu nhập.

Định hướng chuyển đổi mô hình sinh kế của các hộ thuần nông thấp hơn so với những nhóm còn lại (Hình 20). Một số hộ sản xuất nông nghiệp làm thực phẩm cho biết họ sẽ cố gắng tự lực bằng cách tăng qui mô canh tác để đảm bảo nhu cầu lương thực thực phẩm của hộ. Đáng chú ý, cả ba nhóm đều có một tỷ lệ tương đối (từ 20% đến trên 30%) số hộ muốn tìm kiếm thêm việc làm phi nông nghiệp khi nền kinh tế trở lại trạng thái bình thường mới.

4.2. Khả năng tiếp cận của hộ nông thôn đối với chính sách hỗ trợ của Chính phủ

Khảo sát tập trung đánh giá khả năng tiếp cận của các hộ gia đình nông thôn đối với gói hỗ trợ 62.000 tỷ và một số chính sách của Chính phủ nhằm giúp người dân vượt qua tác động của đại dịch Covid-19.

Bảng 3: Tỷ lệ hộ nông thôn tiếp cận được chính sách hỗ trợ do dịch Covid-19 (%)

	Chung	Hộ thuần nông	Hộ nông nghiệp có thêm nguồn thu khác	Hộ phi nông nghiệp
Hỗ trợ thêm cho các đối tượng chính sách	34,7	38,9	27,7	43,5
Hỗ trợ do bị mất thu nhập	12,8	11,4	8,0	21,2
Cung cấp nhu yếu phẩm miễn phí	4,2	2,2	4,4	4,9
Hỗ trợ hộ kinh doanh	1,6	-----	0,7	3,3
Gia hạn trả nợ ngân hàng	1,2	0,9	1,5	0,9
Vay NH CSXH với lãi suất 0%	1,5	0,9	1,9	1,2
Vay mới với lãi suất ưu đãi tại NHTM	0,6	0,9	0,9	0,0
Giảm lãi suất các khoản đã vay	0,5	-----	0,6	0,5
Gia hạn nộp thuế (GTGT, TNDN, TNCN)	0,4	-----	0,0	1,1
Bảo hiểm thất nghiệp	0,3	-----	0,3	0,5
Gia hạn nộp tiền thuê đất	0,2	0,4	0,2	0,0
Khác	0,1	0,0	0,0	0,2

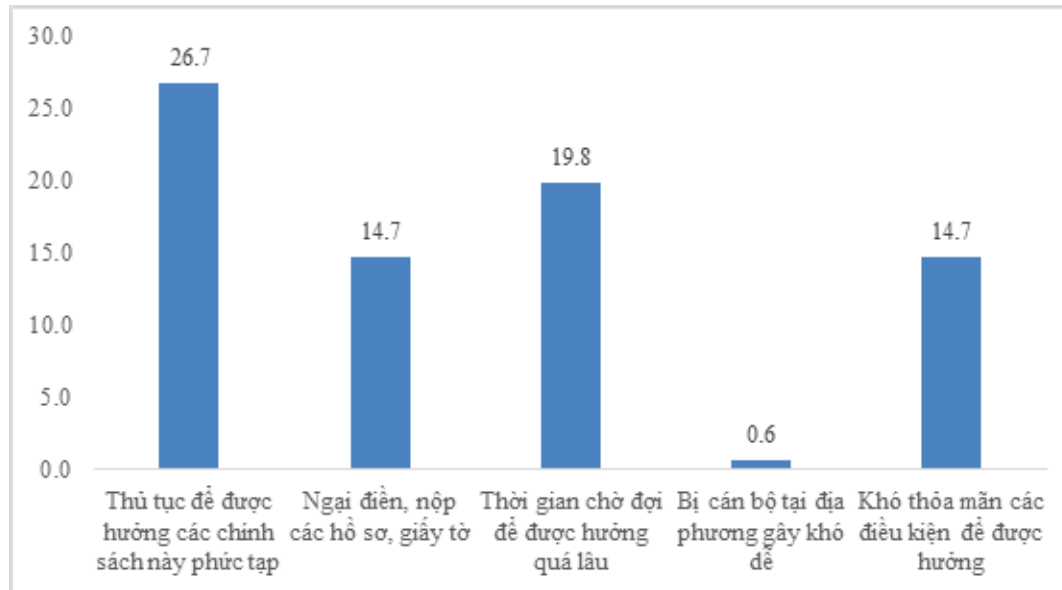
Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

Bảng 3 cho thấy ngoài hình thức hỗ trợ cho các đối tượng chính sách đã được tiếp cận tương đối, với tỷ lệ cao nhất là 43,7%, khả năng tiếp cận của hộ nông thôn với các hình thức hỗ trợ khác còn rất hạn chế. Hỗ trợ do bị mất thu nhập đối với các hộ nông thôn là rất cần thiết nhưng chỉ có trung bình 12,8% số hộ được khảo sát cho biết họ đã hoặc đang tiếp cận hình thức hỗ trợ này. Trong khi đó, tỷ lệ tiếp cận với các hình thức hỗ trợ khác rất thấp, dưới 5% (cung cấp nhu yếu phẩm miễn phí) và đa số chỉ trên dưới 1% (hỗ trợ hộ kinh doanh, các hình thức hỗ trợ tín dụng, gia hạn trả nợ, bảo hiểm, gia hạn thuế...), bảo hiểm nông sản gần như không có.

Ngoài hỗ trợ đối tượng chính sách của Chính phủ để không ai bị bỏ lại phía sau, cố gắng giúp các hộ dân khó khăn vượt qua giai đoạn này, có thể thấy các giải pháp để giúp người dân nông thôn và đặc biệt là nông dân trở lại trạng thái bình thường mới còn hạn chế.

Từ phản hồi của các hộ nông thôn, kết quả khảo sát đã chỉ ra một số nguyên nhân của những hạn chế trong khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ (Hình 21).

Hình 21: Khó khăn của hộ nông thôn trong tiếp cận chính sách Nhà nước (%)

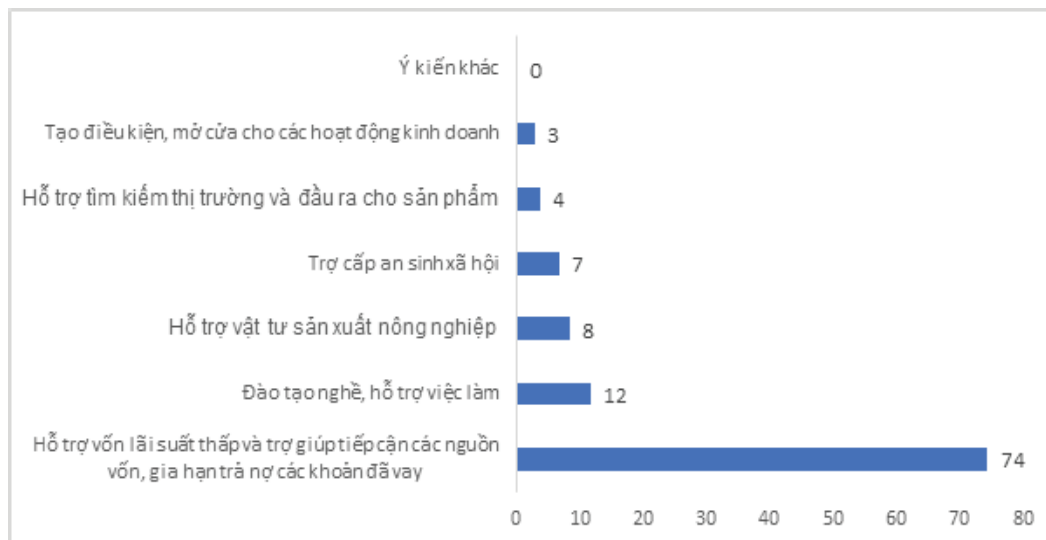


Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

Một trong những khó khăn được chỉ ra đó là thời gian nhận hỗ trợ còn khá lâu, điều này có thể lý giải là địa phương cần có thời gian rà soát để tránh tình trạng hỗ trợ không cần thiết tạo ra nguồn lực lãng phí và bất bình đẳng giữa các hộ. Song, cũng cần lưu ý nhận định của các hộ nông thôn về việc “thủ tục để được hưởng các chính sách này phức tạp” và “khó thỏa mãn các điều kiện để được hưởng lợi”, điều đó hàm ý việc cần rà soát và thiết kế lại gói chính sách bảo trợ để không bị “lọt” đối tượng cần thụ hưởng.

Trước những khó khăn trong việc tiếp cận các chính sách hỗ trợ của chính phủ, các hộ nông thôn được khảo sát đã đề xuất những chính sách hỗ trợ mà họ mong muốn được nhận để vượt qua ảnh hưởng của đại dịch và khôi phục sinh kế trong giai đoạn tới.

Hình 22: Tỷ lệ hộ nông thôn phân theo đề xuất của hộ về hỗ trợ chính sách (%)



Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ số liệu khảo sát

Như hình 22 cho thấy, nhu cầu lớn nhất vẫn liên quan đến vốn và các chính sách tín dụng (74,3%). Tiếp đến là mong muốn được tiếp cận chính sách đào tạo nghề và hỗ trợ việc làm (11,7%), hỗ trợ vật tư sản xuất nông nghiệp (8,4%), trợ cấp an sinh xã hội (6,8%), hỗ trợ tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm và tạo điều kiện mở cửa cho các hoạt động sản xuất kinh doanh bị tạm đóng cửa để thực thi chính sách giãn cách phòng lây nhiễm dịch bệnh.

V. KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

Đại dịch Covid-19 có thể còn kéo dài, thực tế đã có dấu hiệu tái bùng phát ở Việt Nam và những quốc gia khác trên thế giới. Giao thương giữa các nước dự kiến vẫn sẽ gặp nhiều khó khăn, chi phí giao dịch tăng cao. Quỹ Tiền tệ quốc tế IMF cảnh báo cuộc suy thoái toàn cầu lần này là sâu nhất kể từ Đại suy thoái năm 1930, tăng trưởng GDP toàn cầu giảm 4,9%, thương mại toàn cầu giảm 11%. Tuy nhiên các tổ chức quốc tế đều dự báo lạc quan về kinh tế Việt Nam với tăng trưởng GDP năm 2020 từ 2,7% (theo IMF) đến 4,1% (Ngân hàng Thế giới). Năm 2021, dự báo GDP tăng từ 7,0-8,7%. Tuy nhiên quá trình phục hồi kinh tế cần nhiều thời gian, phụ thuộc vào sự phục hồi của giao thương quốc tế, nhất là với các đối tác chính như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, EU và Nga.

Nông nghiệp và nông thôn là khu vực rất dễ bị tổn thương trước những biến động, rủi ro. Rủi ro lớn nhất là thiên tai, dịch bệnh, rồi rủi ro với thị trường. Về dịch bệnh, chủ yếu xảy ra với gia súc, gia cầm và cây con, còn rủi ro dịch bệnh ảnh hưởng tới sức khỏe con người cũng có nhưng đến quy mô đại dịch như Covid-19 là lần đầu tiên. Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu do dịch và các biện pháp kiểm chế dịch gây ra cũng có nhiều tác động tới nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành nông nghiệp nói riêng, thể hiện qua suy giảm tăng trưởng kinh tế, ảnh hưởng đáng kể tới thu nhập và đời sống của lao động nông nghiệp và người dân nông thôn.

Thị trường xuất nhập khẩu nông lâm thủy sản và vật tư nông nghiệp có thể tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Nhu cầu trong nước về lương thực thực phẩm có thể hồi phục khi sinh hoạt của người dân trở lại bình thường nhưng khó đạt được mức trước dịch do du lịch cần nhiều thời gian mới khôi phục, nhất là du lịch quốc tế. Cơ cấu tiêu dùng có thể thay đổi - hàng đông lạnh, hàng khô, hàng đã qua chế biến có thể bảo quản dài hạn có thể có nhu cầu cao hơn. Nhu cầu với nông sản nguyên liệu cho chế biến hàng tiêu dùng không thiết yếu có thể hồi phục chậm hơn. Môi trường kinh doanh rủi ro hơn khiến các nhà đầu tư phải cân nhắc nhiều hơn khi đầu tư vào nông nghiệp.

Mặc dù không thể tránh khỏi những ảnh hưởng nhưng có thể nói đến thời điểm này ngành nông nghiệp và khu vực nông thôn đã đóng góp vô cùng quan trọng nhằm đảm bảo an ninh lương thực, ổn định xã hội. Nông thôn là bệ đỡ rất tốt cho những lao động không chính thức tại thành thị trong bối cảnh dịch bệnh.

Đảng và Nhà nước, các Bộ ngành đã có những chính sách, giải pháp hỗ trợ tích cực và vô cùng quý báu giúp người dân cả nước và người dân nông thôn nói chung để vượt qua giai đoạn khó khăn này. Đối với ngành nông nghiệp thì bên cạnh việc duy trì sản xuất đảm bảo nguồn cung, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, ổn định xã hội thì cần phải tính đến sự phục hồi trong giai đoạn tới, tận dụng thời cơ sau dịch bệnh đồng thời đánh giá bài học để có những chiến lược hiệu quả trong giai đoạn tới. Trong đó cần tập trung vào một số biện pháp sau:

5.1. Hỗ trợ nông dân và người dân nông thôn, tránh không để ai bị bỏ lại phía sau

- Dẫn nợ, giảm lãi suất cho các khoản vay của hộ nông dân. Tạo điều kiện cho các khoản vay mới để người nông dân tiếp tục sản xuất kịp thời, cung cấp hàng hóa cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu, phục hồi tăng trưởng kinh tế.
- Cần nhanh chóng xem xét bổ sung một số đối tượng dân cư nông thôn (bao gồm cả nông dân,

hộ kinh doanh nhỏ, những người làm việc ở khu vực không chính thức, dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em) để đưa vào nhóm được hỗ trợ theo Nghị quyết 42 của Chính phủ.

- Rà soát, thiết kế căn cơ đối với gói kích cầu toàn bộ nền kinh tế, kích cầu qua đầu tư công để người dân có việc làm có thu nhập, để giúp cho đất nước quay trở lại trạng thái bình thường mới.

5.2. Thúc đẩy xuất khẩu, khơi thông thị trường, đặc biệt quan tâm phát triển thị trường nội địa

- Tiếp tục hội đàm thúc đẩy xuất khẩu, khơi thông thương mại biên mậu sang thị trường Trung Quốc, hướng dẫn các doanh nghiệp trong nước đáp ứng yêu cầu của phía Trung Quốc về kiểm dịch và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Định hướng chuyển đổi nhiều hơn xuất khẩu chính ngạch qua đường biển, đường hàng không để giảm rủi ro khi tập trung nhiều qua cửa khẩu biên giới.
- Chuẩn bị sẵn sàng hàng hóa xuất khẩu sang các thị trường Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN... đón cơ hội các nước này sẽ nhập khẩu nhiều sau khi đại dịch Covid-19 cơ bản được kiểm soát.
- Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng các kênh kết nối với các nhà bán lẻ ở thị trường nội địa. Gắn kết vùng sản xuất với hệ thống bán lẻ và người tiêu dùng thông qua các kênh phân phối khác nhau.
- Chuẩn bị sẵn sàng để thúc đẩy xuất khẩu sang EU khi hiệp định EVFTA có hiệu lực.

5.3. Hỗ trợ đầu tư vào dịch vụ logistics, thúc đẩy thương mại điện tử, sàn giao dịch

- Cần có nghiên cứu đánh giá, xây dựng chiến lược bài bản về dịch vụ logistics phục vụ cho thương mại nông sản. Đặc biệt, tập trung hệ thống bảo quản, chế biến, kho lạnh, vận chuyển hàng hóa.
- Xây dựng hệ thống các trung tâm từ vùng sản xuất đến các thị trường chính trong nước, với hệ thống hậu cần phục vụ thương mại biên mậu.
- Ưu tiên, hỗ trợ và có chính sách đặc biệt cho các doanh nghiệp đầu tư vào hệ thống dịch vụ logistics.
- Thúc đẩy các hình thức thương mại hiện đại như thương mại điện tử và dần dần xây dựng sàn giao dịch nông sản. Xây dựng các chợ thương mại điện tử, kết nối các nhà cung cấp nông sản với các hệ thống thương mại điện tử lớn.

5.4. Cải thiện môi trường đầu tư chuẩn bị đón đầu tư mới khi có cơ hội

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện các luật chính sách, cải thiện môi trường đầu tư để đón làn sóng các doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam sau đại dịch Covid-19.
- Chuẩn bị kế hoạch, cơ sở hạ tầng cho doanh nghiệp nước ngoài sẵn sàng vào đầu tư.
- Hỗ trợ đào tạo kỹ năng cho lao động, nhất là lao động nông thôn đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp.

5.5. Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách

- Đánh giá sâu tác động của đại dịch Covid-19 tới các ngành hàng nông sản khác nhau, tới các đối tượng khác nhau nhất là doanh nghiệp, hộ nông dân.

- Xây dựng Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn trong giai đoạn 2021-2030 nhằm định hướng phát triển cho ngành nông nghiệp và nông thôn trong bối cảnh mới, đặc biệt là với những bài học từ cuộc khủng hoảng toàn cầu do đại dịch Covid-19 gây ra cùng với những xu hướng toàn cầu mới.
- Nghiên cứu đề xuất gói hỗ trợ cho nông nghiệp, trước hết là để khôi phục ngành chăn nuôi, khắc phục thẻ Vàng và phát triển ngành thủy sản, phục hồi và phát triển ngành công nghiệp chế biến và dịch vụ logistics phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.
- Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát, báo cáo cảnh báo thường xuyên về an ninh lương thực quốc gia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Anh Minh. 2020. Hàng loạt doanh nghiệp nguy cơ phá sản vì Covid-19 . <https://vnexpress.net/kinh-doanh/hang-loat-doanh-nghiep-nguy-co-pha-san-vi-Covid-19 -4064867.html>.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 2020. Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020. Báo cáo định kỳ.
3. Đại học Kinh tế quốc dân. 2020. Cải thiện năng suất lao động trong bối cảnh kinh tế số. Đánh giá kinh tế Việt Nam thường niên 2019.
4. Hoàng Thắng. 2020. Kinh tế Việt Nam sắp tới ra sao? <https://vnexpress.net/kinh-te-viet-nam-sap-toi-ra-sao-4086453.html>.
5. Huyền Anh. 2020. Dịch Covid-19: Ngân sách hy sinh 2,5% GDP “tiền tươi thóc thật” hỗ trợ doanh nghiệp, người dân. <http://danviet.vn/kinh-te/dich-Covid-19 -ngan-sach-hy-sinh-25-gdp-tien-tuoi-thoc-that-de-ho-tro-doanh-nghiep-nguoi-dan-1080195.html>.
6. Khương Lực. 2020. Nông nghiệp tăng trưởng âm quý I: nhiều thuận lợi bật dậy sau dịch. <http://danviet.vn/tin-nong-nghiep/nong-nghiep-tang-truong-am-quy-i-nhiều-thuận-loi-bat-day-sau-dich-1080075.html>.
7. Lâm Viên. 2020. Hoa tươi Đà Lạt khốn khó vì đại dịch. <https://thanhnien.vn/tai-chinh-kinh-doanh/hoa-tuoi-da-lat-khon-kho-vi-dai-dich-1207171.html>.
8. Nguyễn Ngọc Quế. 2009. Báo cáo Nghiên cứu đánh giá tác động khủng hoảng kinh tế thế giới đến tăng trưởng kinh tế nông nghiệp Việt Nam. Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn.
9. Thu Lê. 2020. Ảnh hưởng bởi Covid-19, Quảng Ninh bàn giải pháp tiêu thụ nông sản. <https://baodautu.vn/anh-huong-boi-Covid-19-quang-ninh-ban-giai-phap-tieu-thu-nong-san-d117206.html>
10. Trần Công Thắng. 2020. Trả lời phỏng vấn kênh truyền hình Thông tấn xã.
11. Viện Nghiên cứu Thị trường và Thể chế nông nghiệp và Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn. 2019. Bức tranh sinh kế hộ nông dân Việt Nam trong thời kỳ hội nhập 1995-2016.

Tiếng nước ngoài

1. Centre for Economic Policy Research. 2020. Economics in the time of Covid-19. Vox.EU.org Book.
2. Food and Agriculture Organization. 2020. Impact of Covid-19 on informal workers.
3. Food and Agriculture Organization. 2020. Social protection and Covid-19 response in rural areas
4. Kanokwan Chodchoey và Siang Hee Tan. 2020. Commentary: Farmers hold key to feeding Asia amid Covid-19 restrictions. <https://www.channelnewsasia.com/news/commentary/Covid-19-coronavirus-farmers-food-supplies-malaysia-12625030>
5. World Bank. 2020. East Asia and Pacific in the time of Covid 19. East Asia and Pacific Economic Update April 2020.

Tài liệu này là một sản phẩm được tài trợ bởi IFAD và Dự án khu vực “Mạng lưới nghiên cứu và tư vấn chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn cho các quốc gia tiểu vùng sông Mê Công”. Nội dung tài liệu được biên soạn bởi nhóm chuyên gia thuộc Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn phối hợp với các chuyên gia tư vấn độc lập khác.

Kinh phí in tài liệu được tài trợ bởi Dự án “Nâng cao năng lực cạnh tranh cho ngành nông nghiệp Việt Nam” do Quỹ Giảm nghèo Nhật Bản tài trợ ủy thác thông qua Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)

Mọi chi tiết liên quan đến nội dung của tài liệu, xin vui lòng liên hệ:

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: Số 16 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: (84 24)39723390 – **Fax:** (84 24) 39722067

Email: tuvanchinhhsach@gmail.com

Web: www.ipsard.gov.vn



**MẠNG LƯỚI NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN CHÍNH SÁCH
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CHO CÁC QUỐC GIA TIỂU VÙNG SÔNG MÊ CÔNG**

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: 024-37280941

website: www.nardt.org

**Japan
Fund for
Poverty
Reduction**



From
the People of Japan